**TRẮC NGHIỆM KHOA HỌC TỰ NHIÊN 7. NĂM HỌC 2022-2023**

**PHẦN: SINH HỌC**

**PHẦN CÂU HỎI THÔ**

**MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức**  ***(theo Chương/bài/chủ đề)*** | **Số tiết thực dạy** | | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Tổng**  **số câu** | | **GV phụ trách** | **Ghi chú** |
| 1 | Bài 22.Vai trò của trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở sinh vật |  | | 7 | | 3 | | 5 | | **15** | | Nguyễn Minh Kha  Trần Hồng Nhi  Lê Ngọc Dung  Phạm Đình Dũng  Trần Mỹ Ngôn  Lê Văn Thâu |  |
| 2 | Bài 23.Quang hợp ở thực vật |  | | 13 | | 8 | | 12 | | **33** | |
| 3 | Bài 24.Thực hành chứng minh quang hợp ở cây xanh |  | | 5 | | 6 | | 1 | | **12** | |
| 4 | Bài 25.Hô hấp tế bào |  | | 9 | | 10 | | 10 | | **29** | |  |
| 5 | Bài 26.Thực hành hô hấp tế bào |  | | 3 | | 1 | | 1 | | **5** | |
| 6 | Bài 27.Trao đổi khí ở sinh vật. |  | | 11 | | 7 | | 13 | | **31** | |
| 7 | Bài 28. Vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật. |  | | 11 | | 5 | | 8 | | **24** | |
| 8 | Bài 29.Trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật |  | | 8 | | 7 | | 7 | | **22** | |  |
| 9 | Bài 30. Trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở động vật |  | | 11 | | 11 | | 7 | | **29** | |  |
| 10 | Bài 31: Thực hành chứng minh thân vận chuyển nước và lá thoát hơi nước |  | | 3 | | 3 | | 1 | | **7** | |
| 11 | Bài 32: Cảm ứng ở sinh vật |  | | 8 | | 6 | | 6 | | **20** | |
| 12 | Bài 33: Tập tính ở sinh vật |  | | 8 | | 6 | | 6 | | **20** | |
| 13 | Bài 34. Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật |  | | 20 | | 11 | | 4 | | **35** | |  |
| 14 | Bài 35.Các nhân tố ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của sinh vật |  | | 16 | | 7 | | 8 | | **31** | |
| 3 | Bài 36.Thực hành minh sinh trưởng và phát triển ở TV, ĐV |  | |  | | 5 | |  | | **5** | |
| 1 | Bài 37 Sinh sản ở sinh vật. | |  | 14 | 10 | | 8 | | **32** | |  | |  |
| 2 | Bài 38: Các yếu tố ảnh hưởng đến sinh sản và điều hòa, điều khiển sinh sản ở sinh vật | |  | 8 | 4 | | 4 | | **16** | |
| 3 | Bài 39: Chứng minh cơ thể sinh vật là một thể thống nhất. | |  | 4 | 4 | | 4 | | **12** | |
| **Cộng** | | |  | **132** | **114** | | **104** | | | **350** | |  |  |

**PHẦN CÂU HỎI THÔ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***CẤP ĐỘ*** | ***CÂU HỎI + ĐÁP ÁN*** | ***GIẢI THÍCH CÁC PHƯƠNG ÁN*** |
| **BÀI 22: VAI TRÒ CỦA TRAO ĐỔI CHẤT VÀ CHUYỂN HÓA NĂNG LƯỢNG Ở SINH VẬT** | | | |
| **Nhận biết** | **Câu 1:** Trao đổi chất ở sinh vật gồm những quá trình nào?  A. trao đổi chất giữa cơ thể với môi trường và chuyển hóa các chất diễn ra trong tế bào.  B. trao đổi chất giữa cơ thể với môi trường và chuyển hóa các chất diễn ra trong cơ thể.  C. trao đổi chất giữa cơ thể với môi trường.  D. Chuyển hóa các chất diễn ra trong tế bào. | A.Đúng.  Vìtrao đổi chất ở sinh vật gồm trao đổi chất giữa cơ thể với môi trường và chuyển hóa các chất diễn ra trong tế bào.  B. Sai. Vì nơi xảy ra là tế bào chứ không phải cơ thể  C. Sai. Vì thiếu nội dung của trao đổi chất.  D. Sai. Vì thiếu nội dung của trao đổi chất. |
| **Nhận biết** | **Câu 2:** [Cơ thể người thải ra chất gì trong quá trình trao đổi chất?](https://hoc24.vn/quiz/co-the-nguoi-thai-ra-chat-gi-trong-qua-trinh-trao-doi-chatoxygenthuc-annuoc-uongchat-thai.2000545)  [A. Chất thải.](https://hoc24.vn/quiz/co-the-nguoi-thai-ra-chat-gi-trong-qua-trinh-trao-doi-chatoxygenthuc-annuoc-uongchat-thai.2000545)  [B. Thức ăn.](https://hoc24.vn/quiz/co-the-nguoi-thai-ra-chat-gi-trong-qua-trinh-trao-doi-chatoxygenthuc-annuoc-uongchat-thai.2000545)  [C. Nước uống.](https://hoc24.vn/quiz/co-the-nguoi-thai-ra-chat-gi-trong-qua-trinh-trao-doi-chatoxygenthuc-annuoc-uongchat-thai.2000545)  [D. Oxygen.](https://hoc24.vn/quiz/co-the-nguoi-thai-ra-chat-gi-trong-qua-trinh-trao-doi-chatoxygenthuc-annuoc-uongchat-thai.2000545) | A.Đúng.  Vì cơ thể người thải ra chất thải trong quá trình trao đổi chất.  B. Sai. Vì là chất lấy vào.  C. Sai. Vì là chất lấy vào.  D. Sai. Vì là chất lấy vào. |
| **Nhận biết** | **Câu 3:** Trong quá trình trao đổi chất, cơ thể con người **không** lấy vào:  A. Khí Carbon dioxide. B. Khí Oxygen.  C. Nước uống. D. Thức ăn. | A.Đúng.  Vì Khí Carbon dioxide là chất thải ra trong quá trình trao đổi chất.  B. Sai. Vì là chất lấy vào.  C. Sai. Vì là chất lấy vào.  D. Sai. Vì là chất lấy vào. |
| **Nhận biết** | **Câu 4:** Ở Người, trong quá trình trao đổi chất ở tế bào, khí carbon dioxide sẽ theo mạch máu tới bộ phận nào để thải ra ngoài ?  A. Phổi B. Dạ dày C. Thận D. Gan | A.Đúng.  Vì trao đổi khí ở phổi bao gồm sự khuếch tán của oxi từ không khí ở phế nang vào máu và của CO2 từ máu vào phế nang.  B. Sai. Sản phẩm khí không thải ra qua dạ dày.  C. Sai. Sản phẩm khí không thải ra qua thận.  D. Sai. Sản phẩm khí không thải ra qua gan. |
| **Nhận biết** | **Câu 5:** Chuyển hóa các chất trong tế bào dựa trên cơ sở là:   1. các phản ứng hóa học diễn ra trong tế bào. 2. các biến đổi lý học giữa các thành phần trong tế bào. 3. hoạt động của các cơ quan trong cơ thể. 4. biến đổi lí học diễn ra trong hoạt động các cơ quan trong cơ thể. | A.Đúng.  Vì chuyển hóa các chất trong tế bào dựa trên cơ sở là các phản ứng hóa học.  B. Sai.  C. Sai.  D. Sai. |
| **Nhận biết** | **Câu 6:** Chuyển hóa được thể hiện qua:   1. quá trình tổng hợp và phân giải các chất. 2. quá trình tổng hợp các chất. 3. quá trình phân giải các chất. 4. quá trình biến đổi lí học và biến đổi hóa học của các chất. | A.Đúng.  Vì chuyển hóa được thể hiện qua quá trình tổng hợp và phân giải các chất.  B. Sai. Thiếu quá trình phân giải các chất.  C. Sai. Thiếu quá trình tổng hợp các chất.  D. Sai. Không có biến đổi lý học trong quá trình chuyển hóa. |
| **Nhận biết** | **Câu 7:** Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng giúp cơ thể thực vật:   1. sinh trưởng, phát triển, cảm ứng, sinh sản. 2. sinh trưởng, vận động, cảm ứng, sinh sản. 3. vận động, phát triển, cảm ứng, sinh sản. 4. sinh trưởng, phát triển, cảm ứng, vận động. | A.Đúng.  Vì trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng giúp cơ thể thực vật sinh trưởng, phát triển, cảm ứng, sinh sản.  B. Sai. Thực vật không có nội dung vận động.  C. Sai. Thực vật không có nội dung vận động.  D. Sai. Thực vật không có nội dung vận động. |
| **Thông hiểu** | **Câu 1:** cho các quá trình chuyển hóa sau:   1. Quang năng → hóa năng 2. Điện năng → nhiệt năng 3. Hóa năng → nhiệt năng 4. Điện năng → cơ năng   Có bao nhiêu biến đổi chuyển hóa năng lượng trong cơ thể sinh vật?   1. 2. B. 3 C.4. D.1. | A.Đúng.  Vì chuyển hóa năng lượng trong cơ thể sinh vật gồm chuyển đổi quang năng → hóa năng và hóa năng → nhiệt năng.  B. Sai.  C. Sai.  D. Sai. |
| **Thông hiểu** | **Câu 2:**Trong quá trình quang hợp, cây xanh sử dụng nước, khí carbon dioxide, ánh sáng từ môi trường ngoài thông qua hoạt động của lục lạp ở lá tạo ra khí oxygen và Glucose. Quá trình chuyển hóa trên thuộc loại biến đổi:   1. Quang năng → hóa năng 2. Điện năng → nhiệt năng 3. Hóa năng → nhiệt năng 4. Điện năng → cơ năng | A.Đúng.  Vì quá trình quang hợp ở cây xanh là chuyển đổi năng lượng quang năng → hóa năng.  B. Sai.  C. Sai.  D. Sai. |
| **Thông hiểu** | **Câu 3:** Sự trao đổi chất ở người diễn ra ở mấy cấp độ?   1. 2 cấp độ 2. 3 cấp độ 3. 1 cấp độ 4. 4 cấp độ | A.Đúng.  Vì sự trao đổi chất ở người diễn ra ở 2 cấp độ: cơ thể và tế bào.  B. Sai. Vì HS chưa xác định đúng các cấp độ TĐC ở Người  C. Sai. Vì HS chưa xác định đúng các cấp độ TĐC ở Người  D. Sai. Vì HS chưa xác định đúng các cấp độ TĐC ở Người |
| **Vận dụng** | **Câu 1:** Cho các quá trình sau:   1. Phân giải protein trong tế bào. 2. Bài tiết mồ hôi. 3. Vận chuyển thức ăn từ miệng xuống dạ dày. 4. Lấy carbon dioxide và thải oxy gen ở thực vật.   Có bao nhiêu quá trình thuộc trao đổi chất ở sinh vật?   1. 3 2. 2 3. 1 4. 4 | A.Đúng.  Vì quá trình phân giải protein trong tế bào; Bài tiết mồ hôi; Lấy carbon dioxide và thải oxy gen ở thực vật đều là quá trình thuộc trao đổi chất ở sinh vật.  B. Sai. Vì HS chưa xác định đúng được các quá trình TĐC trong cơ thể sinh vật.  C. Sai. Vì HS chưa xác định đúng được các quá trình TĐC trong cơ thể sinh vật.  D. Sai. Vì HS chưa xác định đúng được các quá trình TĐC trong cơ thể sinh vật. |
| **Vận dụng** | **Câu 2:** Cho các hoạt động sau:   1. Người đang chơi bóng đá 2. Người đang ngủ 3. Người đang đi bộ   Tốc độ trao đổi chất trong cơ thể người trong ba hoạt động từ nhanh đến chậm được sắp xếp như sau:   1. 1- 3- 2 2. 1- 2 – 3 3. 2- 1- 3 4. 2- 3 -1 | A.Đúng.  Vì Người đang chơi bóng đá nhu cầu năng lượng cao nhất 🡪 tốc độ TĐC nhanh, người đang ngủ nhu cầu năng lượng thấp nhất 🡪 tốc độ TĐC chậm nhất.  B. Sai.  C. Sai.  D. Sai. |
| **Vận dụng** | **Câu 3:** Khi chúng ta chơi thể thao nhiệt độ cơ thể tăng hơn bình thường, thở nhanh . Hiện tượng này là do:  A. cơ thể chuyển hóa hóa năng thành nhiệt năng và nhu cầu cung cấp oxygen cho quá trình chuyển hóa năng lượng.  B. cơ thể chuyển hóa điện năng thành nhiệt năng và nhu cầu cung cấp oxygen cho quá trình chuyển hóa năng lượng.  C. cơ thể chuyển hóa hóa năng thành nhiệt năng và nhu cầu cung cấp carbon dioxide cho quá trình chuyển hóa năng lượng.  D. cơ thể chuyển hóa điện năng thành nhiệt năng và nhu cầu cung cấp carbon dioxide cho quá trình chuyển hóa năng lượng. | A.Đúng.  Vì khi chúng ta chơi thể thao cần nhiều năng lượng và oxygen → cơ thể chuyển hóa hóa năng thành nhiệt năng và nhu cầu cung cấp oxygen cho quá trình chuyển hóa năng lượng.  B. Sai. Không có quá trình chuyển hóa điện năng thành nhiệt năng.  C. Sai. Không cung cấp carbon dioxide cho quá trình chuyển hóa năng lượng  D. Sai. Không có quá trình chuyển hóa điện năng thành nhiệt năng, cũng không cung cấp carbon dioxide cho quá trình chuyển hóa năng lượng. |
| **Vận dụng** | **Câu 4:** Tại sao những người béo phì thường là những người ít vận động?  A. Ít vận động dẫn đến sự chuyển hóa trong tế bào ít, nên các chất dinh dưỡng không dùng hết sẽ tích trữ tạo nên các lớp mỡ.  B. Ít vận động giúp tăng khả năng trao đổi chất nên cơ thể hấp thu được nhiều chất dinh dưỡng hơn.  C. Ít vận động sẽ dẫn đến sự chuyển hóa trong tế bào nhiều, nên cơ thể hấp thụ được nhiều chất dinh dưỡng hơn.  D. Cơ thể cần nhiều thời gian để hấp thụ chất dinh dưỡng nên vận động bị hạn chế. | A.Đúng.  Vì Ít vận động dẫn đến sự chuyển hóa trong tế bào ít, nên các chất dinh dưỡng không dùng hết sẽ tích trữ tạo nên các lớp mỡ.  B. Sai. Ít vận động không tăng khả năng trao đổi chất.  C. Sai. Ít vận động không dẫn đến sự chuyển hóa trong tế bào nhiều.  D. Sai. Cơ thể vẫn có thể hấp thụ chất dinh dưỡng khi ta vận động. |
| **Vận dụng** | **Câu 5:** Cho các biện pháp sau:  1.Uống đủ nước, cung cấp đầy đủ các nhóm chất cho cơ thể.  2.Vận động thường xuyên và chú ý nâng cao cường độ luyện tập.  3.Hạn chế sử dụng các chất kích thích như rượu, bia,...  4.Không thức khuya, ngủ đủ giấc (6-8 tiếng/ngày).  Số biện pháp giúp tăng cường quá trình trao đổi chất ở cơ thể:  A. 4 B. 3 C. 2 D. 1 | A.Đúng.  Vì để tăng cường quá trình trao đổi chất ở cơ thể cần các biện pháp: Uống đủ nước, cung cấp đầy đủ các nhóm chất cho cơ thể; Vận động thường xuyên và chú ý nâng cao cường độ luyện tập; Hạn chế sử dụng các chất kích thích như rượu, bia,...; Không thức khuya, ngủ đủ giấc (6-8 tiếng/ngày).  B. Sai. HS chưa xác định được các biện pháp giúp tăng cường TĐC ở cơ thể.  C. Sai. HS chưa xác định được các biện pháp giúp tăng cường TĐC ở cơ thể.  D. Sai. HS chưa xác định được các biện pháp giúp tăng cường TĐC ở cơ thể. |
| Bài 23.Quang hợp ở thực vật | | | |
| **Nhận biết** | **Câu 1:** Trong quá trình quang hợp, lá cây nhả ra loại khí nào?  A. Khí Oxygen         B. Khí nitrogen  C. Khí Hidrôgen    D. Khí carbon dioxide | A.Đúng.  Vì trong quá trình quang hợp, lá cây nhả ra Khí Oxygen  B. Sai.  C. Sai.  D. Sai. |
| **Nhận biết** | **Câu 2:** Thành phần nào dưới đây không tham gia trực tiếp vào quá trình quang hợp của thực vật?  A. Không bào  B. Lục lạp  C. Nước  D. Khí carbon dioxide | A.Đúng.  Vì khí khổng không tham gia trực tiếp vào quá trình quang hợp của thực vật.  B. Sai. Lục lạp tham gia trực tiếp vào quá trình quang hợp  C. Sai. Nước tham gia trực tiếp vào quá trình quang hợp  D. Sai. Khí carbon dioxide tham gia trực tiếp vào quá trình quang hợp. |
| **Nhận biết** | **Câu 3:**Trong cơ thể thực vật, bộ phận nào chuyên hoá với chức năng chế tạo tinh bột ?  A. Lá      B. Rễ C. Hoa       D. Thân | A.Đúng.  Vì trong cơ thể thực vật, bộ phận lá có cấu tạo chuyên hoá với chức năng chế tạo tinh bột  B. Sai.  C. Sai.  D. Sai. |
| **Nhận biết** | **Câu 4:** Điều kiện cần để lá cây có thể quang hợp được khi có đầy đủ các nguyên liệu là gì ? A. Có ánh sáng.  B. Nhiệt độ thấp.  C. Độ ẩm thấp.  D. Nền nhiệt cao. | A.Đúng.  Vìđiều kiện cần để lá cây có thể quang hợp là khi có ánh sáng.  B. Sai. Chỉ là yếu tố ảnh hưởng quang hợp  C. Sai. Chỉ là yếu tố ảnh hưởng quang hợp  D. Sai. Chỉ là yếu tố ảnh hưởng quang hợp |
| **Nhận biết** | **Câu 5:**Vai trò nào dưới đây không phải của quang hợp ?  A. Cân bằng nhiệt độ của môi trường.  B. Tạo chất hữu cơ.  C. Tích lũy năng lượng.  D. Điều hòa không khí. | A.Đúng.  Vì cân bằng nhiệt độ của môi trường không phải vai trò của quang hợp.  B. Sai. Là vai trò của quang hợp  C. Sai. Là vai trò của quang hợp  D. Sai. Là vai trò của quang hợp |
| **Nhận biết** | **Câu 6:** Bào quan thực hiện quang hợp là :   1. Lục lạp. 2. Ti thể. 3. Lá cây. 4. Khí khổng. | A.Đúng.  Vì bào quan thực hiện quang hợp là lục lạp  B. Sai.  C. Sai.  D. Sai. |
| **Nhận biết** | **Câu 7:** Để thực hiện quá trình quang hợp, khí carbon dioxide lá cây lấy từ:   1. không khí qua khí khổng của lá. 2. đất qua tế bào lông hút của rễ. 3. nước qua tế bào lông hút của rễ. 4. chất hữu cơ bởi quá trình tổng hợp của cây. | A.Đúng.  Vì trong quá trình quang hợp khí carbon dioxide lá cây lấy từ không khí qua khí khổng của lá.  B. Sai. tế bào lông hút của rễ cung cấp nước cho quang hợp  C. Sai. tế bào lông hút của rễ cung cấp nước cho quang hợp  D. Sai. Chất hữu cơ là sản phẩm của quang hợp. |
| **Nhận biết** | **Câu 8:** Nhiệt độ thích hợp nhất cho quá trình quang hợp của cây xanh là bao nhiêu ?  A. 20-30oC       B. 25-30oC  C. 30-40oC       D. 25-40oC | A.Đúng.  Vì Nhiệt độ thích hợp nhất cho quá trình quang hợp của cây xanh là 20-30oC  B. Sai.  C. Sai.  D. Sai. |
| **Nhận biết** | **Câu 9:** Trong quá trình quang hợp, nước lấy từ đâu?  A. Được rễ hút từ đất, theo mạch gỗ lên thân, lá.  B. Do lá lấy từ đất lên.  C. Cùng với các muối khoáng được rễ chuyển lên theo mạch rây sẽ tổng hợp thành các chất hữu cơ khác rồi được vận chuyển đến các bộ phận khác của cây.  D. Từ không khí, hấp thụ vào lá qua các lỗ khí. | A.Đúng.  Vì Trong quá trình quang hợp, nước lấy từ rễ hút từ đất, theo mạch gỗ lên thân, lá.  B. Sai. Lá không cung cấp nước cho quang hợp  C. Sai. Mạch rây không vận chuyển nước và muối khoáng  D. Sai. Nước không được cung cấp từ không khí. |
| **Nhận biết** | **Câu 10:** Đặc điểm nào của lá giúp lá nhận được nhiều ánh sáng?  A. Phiến lá có dạng bản mỏng.  B. Lá có màu xanh.  C. Lá có cuống lá.  D. Lá có tính đối xứng. | A.Đúng.  Vì Đặc điểm của lá giúp lá nhận được nhiều ánh sáng là phiến lá có dạng bản mỏng.  B. Sai.  C. Sai.  D. Sai. |
| **Nhận biết** | **Câu 11:** Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống trong câu sau : Từ tinh bột cùng …, lá cây còn chế tạo được nhiều loại hữu cơ khác cần thiết cho cây.  A. muối khoáng       B. nước C. Oxygen      D. vitamin | A.Đúng.  Vì Từ tinh bột cùng muối khoáng, lá cây còn chế tạo được nhiều chất hữu cơ khác cần thiết cho cây  B. Sai.  C. Sai.  D. Sai. |
| **Nhận biết** | **Câu 12:** Quang hợp là quá trình:  A. thu nhận và chuyển hóa năng lượng ánh sáng, tổng hợp nên các chất hữu cơ từ các chất vô cơ như: nước, khí carbon dioxide, diễn ra ở tế bào có chất diệp lục, đồng thời thải ra khí oxygen.  B. Thu nhận và chuyển hóa năng lượng ánh sáng, tổng hợp nên các chất hữu cơ từ các chất vô cơ như: nước, khí oxygen, diễn ra ở tế bào có chất diệp lục, đồng thời thải ra khí carbon dioxide.  C. Thu nhận và chuyển hóa năng lượng ánh sáng, tổng hợp nên các chất hữu cơ từ các chất vô cơ như: chất khoáng, khí oxygen, diễn ra ở tế bào gân lá, đồng thời thải ra khí oxygen.  D. Thu nhận và chuyển hóa năng lượng ánh sáng, tổng hợp nên các chất vô cơ từ các chất hữu cơ như nước, khí carbon dioxide, diễn ra ở tế bào có chất diệp lục, đồng thời thải ra khí oxygen. | A.Đúng.  Vì Quang hợp là quá trình thu nhận và chuyển hóa năng lượng ánh sáng, tổng hợp nên các chất hữu cơ từ các chất vô cơ như: nước, khí carbon dioxide, diễn ra ở tế bào có chất diệp lục, đồng thời thải ra khí oxygen.  B. Sai. khí carbon dioxide không là sản phẩm thải ra của quang hợp.  C. Sai. Quang hợp không xảy ra ở gân lá  D. Sai. Quang hợp không tạo ra chất vô cơ từ chất hữu cơ. |
| **Nhận biết** | **Câu 13:** Dẫn nước cho quá trình quang hợp và dẫn các sản phẩm quang hợp đến các cơ quan khác là nhiệm vụ của:  A. Gân lá B.Tế bào biểu bì lá C.Lục lạp D. Khí khổng | A.Đúng.  Vì Gân lá giúp dẫn nước cho quá trình quang hợp và dẫn các sản phẩm quang hợp đến các cơ quan khác.  B. Sai. Tế bào biểu bì lá →Bảo vệ lá.  C. Sai. Lục lạp →Nơi xảy ra quang hợp.  D. Sai. Khí khổng →Trao đổi khí |
| **Thông hiểu** | **Câu 1:** Thân non của cây (có màu xanh lục) có quang hợp được không ? Vì sao ?  A. Có. Vì thân non cũng chứa chất diệp lục như lá cây.  B. Không. Vì thân non chỉ làm nhiệm vụ vận chuyển chất dinh dưỡng.  C. Có. Vì thân non cũng được cung cấp đầy đủ nước và muối khoáng.  D. Không. Vì quá trình quang hợp chỉ diễn ra ở lá cây. | A.Đúng.  Vì thân non cũng chứa chất diệp lục như lá cây → quang hợp được.  B. Sai.  C. Sai.  D. Sai. |
| **Thông hiểu** | **Câu 2:** Cấu tạo ngoài nào của lá thích nghi với chức năng hấp thụ được nhiều ánh sáng?  A. Có diện tích bề mặt lớn.  B. Có cuống lá.  C. Phiến lá nhỏ.  D. Các khí khổng tập trung ở mặt dưới. | A.Đúng.  Vì Cấu tạo ngoài của lá với diện tích bề mặt lớn → thích nghi với chức năng hấp thụ được nhiều ánh sáng.  B. Sai. cuống lá giúp đính lá vào cành.  C. Sai. Phiến lá nhỏ không hấp thụ nhiều ánh sáng  D. Sai. khí khổng →Trao đổi khí. |
| **Thông hiểu** | **Câu 3:** Chọn nội dung phù hợp để hoàn thành sơ đồ sau:  https://baivan.net/sites/default/files/styles/giua_bai/public/d/m/Y/screenshot_2_30.png?itok=CJePSOuH  A. nước, khí carbon dioxide, glucose, khí oxygen.  B. nước, khí oxygen, glucose, khí carbon dioxide.  C. khí carbon dioxide, glucose, nước, khí oxygen.  D. glucose, khí oxygen, nước, khí carbon dioxide. | A.Đúng.  Vì nguyên liệu quang hợp là nước, khí carbon dioxide; sản phẩm là glucose, khí oxygen.  B. Sai. khí oxygen không là nguyên liệu mà là sản phẩm, khí carbon dioxide là nguyên liệu, không là sản phẩm  C. Sai. Nước không là sản phẩm quang hợp  D. Sai. Glucose không phải là nguyên liệu quang hợp |
| **Thông hiểu** | **Câu 4:** Trong các yếu tố dưới đây, có bao nhiêu yếu tố ảnh hưởng đến quá trình quang hợp ở cây xanh ?  1. Ánh sáng  2. Nhiệt độ  3. Nước  4. Hàm lượng khí carbon dioxide  A. 4 B. 3 C. 2 D. 1 | A.Đúng.  Vì các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình quang hợp ở cây xanh: Ánh sáng; Nhiệt độ; Nước; Hàm lượng khí carbon dioxide.  B. Sai. HS chưa xác định được các yếu tố ảnh hưởng quang hợp.  C. Sai. HS chưa xác định được các yếu tố ảnh hưởng quang hợp.  D. Sai. HS chưa xác định được các yếu tố ảnh hưởng quang hợp. |
| **Thông hiểu** | **Câu 5:** Quá trình chuyển hóa năng lượng trong quang hợp thường diễn ra như thế nào?  A. Năng lượng từ ánh sáng mặt trời đến lục lạp, chuyển hóa thành năng lượng hóa học tích lũy trong chất hữu cơ ở lá cây.  B. Năng lượng từ ánh sáng mặt trời đến rễ cây, chuyển hóa thành năng lượng hóa học tích lũy trong chất hữu cơ ở lá cây.  C. Năng lượng từ ánh sáng mặt trời đến cành cây, chuyển hóa thành năng lượng hóa học tích lũy trong chất hữu cơ ở lá cây.  D. Năng lượng từ ánh sáng mặt trời đến tất cả các bộ phận của cây, chuyển hóa thành năng lượng hóa học tích lũy trong chất hữu cơ ở lá cây. | A.Đúng.  Vì Quá trình chuyển hóa năng lượng trong quang hợp diễn ra như sau: Năng lượng từ ánh sáng mặt trời đến lục lạp, chuyển hóa thành năng lượng hóa học tích lũy trong chất hữu cơ ở lá cây.  B. Sai. Quá trình không xảy ra ở rễ cây  C. Sai. Quá trình không xảy ra ở cành cây  D. Sai. Quá trình không xảy ra ở tất cả các bộ phận của cây |
| **Thông hiểu** | **Câu 6:** Trong quá trình quang hợp, vật chất được biến đổi như thế nào?  A. Vật chất từ môi trường ngoài được vận chuyển đến lục lạp ở lá cây, biến đổi hóa học tạo ra chất hữu cơ và oxygen.  B. Vật chất từ môi trường ngoài được vận chuyển đến lục lạp ở lá cây, biến đổi hóa học tạo ra chất vô cơ và oxygen.  C. Vật chất từ môi trường ngoài được vận chuyển đến lục lạp ở lá cây, biến đổi hóa học tạo ra chất hữu cơ và carbon dioxide.  D. Vật chất từ môi trường ngoài được vận chuyển đến lục lạp ở lá cây, biến đổi hóa học tạo ra chất vô cơ và carbon dioxide. | A.Đúng.  Vì Trong quá trình quang hợp, vật chất được biến đổi như sau: Vật chất từ môi trường ngoài được vận chuyển đến lục lạp ở lá cây, biến đổi hóa học tạo ra chất hữu cơ và oxygen.  B. Sai.  C. Sai.  D. Sai. |
| **Thông hiểu** | **Câu 7:** Cho các nhận định sau:  1. Cung cấp khí oxygen cho quá trình hô hấp của con người.  2. Giúp điều hòa khí hậu.  3. Cân bằng hàm lượng khí oxygen và khí carbon dioxide trong khí quyển.  4. Tạo ra các hợp chất hữu cơ, cung cấp thức ăn, thực phẩm cho con người.  5. Chống xói mòn và sạt lở đất.  Nhận định chính xác khi nói về ý nghĩa của quang hợp đối với sự sống trên Trái Đất là:  A. 1, 2, 3, 4. B. 1, 2, 3, 4, 5.  C. 1, 2, 3, 5. D. 1, 2, 4, 5. | A.Đúng.  Vì ý nghĩa của quang hợp đối với sự sống trên Trái Đất là:  + Cung cấp khí oxygen cho quá trình hô hấp của con người.  + Giúp điều hòa khí hậu.  + Cân bằng hàm lượng khí oxygen và khí carbon dioxide trong khí quyển.  + Tạo ra các hợp chất hữu cơ, cung cấp thức ăn, thực phẩm cho con người.  B. Sai. HS chưa xác đinh được vai trò của quang hợp  C. Sai. HS chưa xác đinh được vai trò của quang hợp  D. Sai. HS chưa xác đinh được vai trò của quang hợp |
| **Thông hiểu** | **Câu 8:** Nhóm nào dưới đây gồm những cây ưa bóng ?  A. Trầu không, hoàng tinh, diếp cá, lá lốt.  B. Rau bợ, cây đước, khoai tây, đậu xanh.  C. Xà cừ, xương rồng, thanh long, rau má.  D. Ngô, dứa, cải thảo, dừa. | A.Đúng.  Vì trầu không, hoàng tinh, diếp cá, lá lốt. Chúng sống ở nơi râm mát hoặc dưới tán cây khác.  B. Sai. Đước sống nơi quang đãng (ưa sáng)  C. Sai. Xương rồng sống nơi quang đãng (ưa sáng)  D. Sai. Ngô, dừa.. sống nơi quang đãng (ưa sáng) |
| **Vận dụng** | **Câu 1:**Vì sao trong nông nghiệp để tăng năng suất cây Thanh long, người ta thường dùng đèn chiếu sáng vào ban đêm?  A.Vì giúp tăng cường độ quang hợp của cây từ đó tăng tổng hợp chất hữu cơ → tăng năng suất cây trồng.  B.Vì giúp tăng cường độ thoát hơi nước của cây từ đó tăng hút nước từ rễ → tăng năng suất cây trồng.  C.Vì giúp tăng cường độ hô hấp của cây từ đó tăng tổng hợp chất hữu cơ của loài cây đó → tăng năng suất cây trồng.  D.Vì giúp cây rút ngắn thời gian sinh trưởng, phát triển, mau thu hoạch→ tăng năng suất cây trồng. | A.Đúng.  Vì dùng đèn chiếu sáng vào ban đêm giúp tăng cường độ quang hợp của cây Thanh long từ đó tăng tổng hợp chất hữu cơ → tăng năng suất cây trồng.  B. Sai. Ánh sáng đèn không tăng cường độ thoát hơi nước.  C. Sai. Ánh sáng đèn không tăng cường độ hô hấp của cây.  D. Sai. Ánh sáng đèn không rút ngắn thời gian sinh trưởng, phát triển của cây. |
| **Vận dụng** | **Câu 2:**Trong các phát biểu sau :   1. Cung cấp nguồn chất hữu cơ làm thức ăn cho sinh vật dị dưỡng. 2. Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, dược liệu cho Y học. 3. Cung cấp năng lượng duy trì hoạt động sống của sinh giới. 4. Điều hòa trực tiếp lượng nước trong khí quyển. 5. Điều hòa không khí.   Có bao nhiêu nhận định đúng về vai trò của quang hợp ?  A. 4.         B. 3.        C. 2.         D. 5. | A.Đúng.  Vì vai trò của quang hợp:  + Cung cấp nguồn chất hữu cơ làm thức ăn cho sinh vật dị dưỡng.  +Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, dược liệu cho Y học.  +Cung cấp năng lượng duy trì hoạt động sống của sinh giới.  + Điều hòa không khí.  B. Sai. HS chưa xác đinh được vai trò của quang hợp  C. Sai. HS chưa xác đinh được vai trò của quang hợp  D. Sai. HS chưa xác đinh được vai trò của quang hợp |
| **Vận dụng** | **Câu 3:** Đặc điểm nào của lá cây phù hợp với chức năng quang hợp?  1. Lá cây dạng bản dẹt giúp thu nhận được nhiều ánh sáng.  2. Các tế bào ở lớp giữa của lá có nhiều lục lạp.  3. Lục lạp chứa chất diệp lục thu nhận ánh sáng dùng cho tổng hợp chất hữu cơ của lá cây.  4. Khí khổng phân bố trên bề mặt của lá có vai trò chính trong quá trình trao đổi khí và thoát hơi nước.  5. Gân lá (mạch dẫn) có chức năng vận chuyển nước đến lục lạp và vận chuyển chất hữu cơ từ lục lạp về cuống lá, từ đó vận chuyển đến các bộ phận khác của cây.  **Số đáp án đúng là**  A. 5. B. 4. C. 3. D. 2. | A.Đúng.  Vì đặc điểm nào của lá cây phù hợp với chức năng quang hợp:  +Lá cây dạng bản dẹt giúp thu nhận được nhiều ánh sáng.  +Các tế bào ở lớp giữa của lá có nhiều lục lạp.  +Lục lạp chứa chất diệp lục thu nhận ánh sáng dùng cho tổng hợp chất hữu cơ của lá cây.  +Khí khổng phân bố trên bề mặt của lá có vai trò chính trong quá trình trao đổi khí và thoát hơi nước.  +Gân lá (mạch dẫn) có chức năng vận chuyển nước đến lục lạp và vận chuyển chất hữu cơ từ lục lạp về cuống lá, từ đó vận chuyển đến các bộ phận khác của cây.  B. Sai. HS chưa xác đinh được  C. Sai.  D. Sai. |
| **Vận dụng** | **Câu 4:** Nhận định nào sau đây đúng?  A. Ở điều kiện cường độ ánh sáng cao, tăng nồng độ CO2 thuận lợi cho quang hợp.  B. Ở điều kiện cường độ ánh sáng thấp, giảm nồng độ CO2 thuận lợi cho quang hợp.  C. Ở điều kiện cường độ ánh sáng thấp, tăng nồng độ CO2 thuận lợi cho quang hợp.  D. Ở điều kiện cường độ ánh sáng cao, giảm nồng độ CO2 thuận lợi cho quang hợp. | A.Đúng.  Vì Ở điều kiện cường độ ánh sáng cao, tăng nồng độ CO2 thuận lợi cho quang hợp (ảnh hưởng các điều kiện mt đến quang hợp)  B. Sai.  C. Sai.  D. Sai. |
| **Vận dụng** | **Câu 5:** Cho các đặc điểm sau:  1. Thường mọc ở những nơi quang đãng  2. Phiến lá thường nhỏ  3. Lá thường có màu xanh sẫm  4. Lá thường có màu xanh sáng  5. Thường mọc dưới tán cây khác  6. Phiến lá thường rộng  Những đặc điểm của cây ưa ánh sáng yếu là:  A. 3, 5, 6. B. 1, 2, 4.  C. 1, 2, 3. D. 2, 3, 5. | A.Đúng.  Vì cây ưa ánh sáng yếu có các đặc điểm sau:  + Lá thường có màu xanh sẫm  + Thường mọc dưới tán cây khác  + Phiến lá thường rộng  → thu nhận ánh sáng cho quang hợp  B. Sai.  C. Sai.  D. Sai. |
| **Vận dụng** | **Câu 6:** Tại sao trong sản xuất nông nghiệp, muốn cây cho năng suất cao thì chúng ta không nên trồng với mật độ quá dày ?  A.Vì trồng cây quá dày sẽ khiến cho cây sinh trưởng, phát triển kém do phải san sẻ nguồn ánh sáng, nước và chất dinh dưỡng cho các cây mọc lân cận.  B.Vì trồng cây quá dày sẽ làm cản trở khả năng hút nước và muối khoáng của cây.  C. Vì khi trồng cây quá dày, các cây gần nhau sẽ có hiện tượng liền rễ và cây bị bệnh dễ phát tán tác nhân gây bệnh cho những cây xung quanh.  D. Vì trồng cây quá dày sẽ tốn nhiều công chăm sóc. | A.Đúng.  Vì trồng cây quá dày sẽ khiến cho cây sinh trưởng, phát triển kém do phải san sẻ nguồn ánh sáng, nước và chất dinh dưỡng cho các cây mọc lân cận.  B. Sai. HS chưa xác định được mức độ khác nhau sự ảnh hưởng cảu các điều kiện bên ngoài đến quang hợp để liên hệ trong thực tế sản xuất.  C. Sai. HS chưa xác định được mức độ khác nhau sự ảnh hưởng cảu các điều kiện bên ngoài đến quang hợp để liên hệ trong thực tế sản xuất.  D. Sai. HS chưa xác định được mức độ khác nhau sự ảnh hưởng cảu các điều kiện bên ngoài đến quang hợp để liên hệ trong thực tế sản xuất. |
| **Vận dụng** | **Câu 7:** Khi nuôi cá cảnh trong bể kính, có thể làm tăng dưỡng khí cho cá bằng cách nào?  A. Thả rong vào bể cá.  B. Tăng nhiệt độ trong bể.  C. Thắp đèn cả ngày đêm.  D. Đổ thêm nước vào bể cá. | A.Đúng.  Vì Thả rong vào bể cá sẽ giúp tăng hàm lượng oxygen trong nước thông qua quang hợp của rong  B. Sai. tăng nhiệt độ không làm tăng dưỡng khí  C. Sai. Thắp đèn cả ngày đêm không làm tăng dưỡng khí  D. Sai. Đổ thêm nước vào bể cá không có tác dụng làm tăng dưỡng khí |
| **Vận dụng** | **Câu 8:** Cần trồng cây đúng thời vụ vì  A. cây sẽ được thoả mãn được những đòi hỏi vể các điểu kiện bên ngoài giúp cho sự phát triển của cây.  B. cây sẽ có nhiệt độ thích hợp cho sự phát triển của cây.  C. cây sẽ có ánh sáng thích họp cho sự phát triển của cây.  D. cây sẽ có hàm lượng nước thích hợp cho sự phát triển của cây. | A.Đúng.  Vì trồng đúng thời vụ thì cây sẽ được thoả mãn được những đòi hỏi vể các điểu kiện bên ngoài giúp cho sự phát triển của cây.  B. Sai. Chưa đủ các yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp  C. Sai. Chưa đủ các yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp  D. Sai. Chưa đủ các yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp |
| **Vận dụng** | **Câu 9:** Trên thực tế, để thích nghi với điều kiện sống tại môi trường sa mạc, lá của cây xương rồng đã biến đổi thành gai. Vậy cây xương rồng quang hợp chủ yếu bằng bộ phận nào sau đây?  A. Thân cây.  B. Lá cây.  C. Rễ cây.  D. Gai của cây. | A.Đúng.  Vì thân cây vẫn có chứa chất diệp lục vẫn thực hiện được quang hợp.  B. Sai. Lá đã biến thành gai không thực hiện quang hợp.  C. Sai. Rễ không chứa chất diệp lục trong thành phần cấu tạo nên không quang hợp.  D. Sai. Gai của cây không có chứa thành phần thực hiện được quang hợp trong cấu tạo. |
| **Vận dụng** | **Câu 10:** Khi quan sát lá trên các cây, Minh nhận thấy các lá trên cây luôn xếp lệch nhau. Minh vô cùng thắc mắc tại sao lại như vậy? Em hãy chọn đáp án đúng để giải thích giúp Minh câu hỏi trên.  A. Để các lá đều lấy được ánh sáng.  B. Để phân biệt các loại lá với nhau.  C. Để phân biệt lá non với lá già.  D. Để lá không che lấp nhau. | A.Đúng.  Vì các lá trên cây luôn xếp lệch nhau để các lá đều lấy được ánh sáng. → quang hợp  B. Sai.  C. Sai.  D. Sai. |
| **Vận dụng** | **Câu 11:** Vì sao trong nông nghiệp để tăng năng suất một số loại cây trồng người ta thường dùng đèn chiếu sáng vào ban đêm?  A. Vì khi chiếu sáng vào ban đêm sẽ tăng thời gian chiếu sáng từ đó tăng cường độ quang hợp của cây trồng → Góp phần tăng năng suất.  B. Vì khi chiếu sáng vào ban đêm sẽ tăng thời gian chiếu sáng từ đó giảm cường độ quang hợp của cây trồng → Góp phần tăng năng suất.  C. Vì khi chiếu sáng vào ban đêm sẽ góp phần làm giảm sự xuất hiện của sâu bệnh hại → Góp phần tăng năng suất cây trồng.  D. Vì khi chiếu sáng vào ban đêm sẽ góp phần làm giảm sự xuất hiện của sâu bệnh hại, giảm cường độ quang hợp → Góp phần tăng năng suất. | A.Đúng.  Vì khi chiếu sáng vào ban đêm sẽ tăng thời gian chiếu sáng từ đó tăng cường độ quang hợp của cây trồng → Góp phần tăng năng suất.  B. Sai.  C. Sai.  D. Sai. |
| **Vận dụng** | **Câu 12:** Để quang hợp ở cây xanh diễn ra thuận lợi, chúng ta cần lưu ý điều nào dưới đây ?  A. Bón phân cho cây (bón lót, bón thúc), trồng cây ở nơi có đủ ánh sáng và tưới tiêu hợp lý.  B. Trồng cây ở nơi có ít ánh sáng, bón nhiều phân cho cây.  C. Tưới tiêu hợp lý, trồng cây với mật độ dày.  D. Bón phân cho cây, tưới nhiều lần nước trong ngày, trồng cây nơi ít ánh sáng. | A.Đúng.  Vì Bón phân cho cây (bón lót, bón thúc), trồng cây ở nơi có đủ ánh sáng và tưới tiêu hợp lý → quang hợp ở cây xanh diễn ra thuận lợi  B. Sai. Không đủ ánh sáng, dư thừa dưỡng chất→ ảnh hưởng quang hợp  C. Sai. trồng cây với mật độ dày→ ảnh hưởng quang hợp  D. Sai. Dư lượng nước, ít ánh sáng → ảnh hưởng quang hợp |
| Bài 24.Thực hành chứng minh quang hợp ở cây xanh | | | |
| **Nhận biết** | **Câu 1:**  Trong các hóa chất dùng cho thí nghiệm chứng minh quang hợp ở cây xanh thuốc thử dùng để nhận biết tinh bột là:  A. Iodine  B. que đóm  C. cồn 90 độ  D. nước cất | A.Đúng.  Vì thuốc thử dùng để nhận biết tinh bột là Iodine  B. Sai.  C. Sai.  D. Sai. |
| **Nhận biết** | **Câu 2:** Dụng cụ không được dùng trong thí nghiệm để xác định có sự tạo thành tinh bột trong quá trình quang hợp ở cây xanh là:  A. cân điện tử.  B. cốc thủy tinh.  C. đèn cồn.  D. giá đỡ. | A.Đúng.  Vì dụng cụ dùng trong thí nghiệm để xác định có sự tạo thành tinh bột trong quá trình quang hợp ở cây xanh là: cốc thủy tinh, đèn cồn, giá đỡ.  B. Sai.  C. Sai.  D. Sai. |
| **Nhận biết** | **Câu 3:** Trong thí nghiệm quang hợp ở cây xanh, tinh bột ở phần lá không bịt giấy đen phản ứng với dung dịch Iodine thể hiện màu:  A. xanh tím.  B. vàng nhạt.  C. nâu đen.  D. xanh lục. | A.Đúng.  Vì tinh bột phản ứng với dung dịch Iodine thể hiện màu xanh tím.  B. Sai.  C. Sai.  D. Sai. |
| **Nhận biết** | **Câu 4:** Hóa chất không được dùng trong thí nghiệm để xác định có sự tạo thành tinh bột trong quá trình quang hợp ở cây xanh là:  A. nước muối sinh lý  B. dung dịch Iodine  C. cồn 90 độ  D. nước cất | A.Đúng.  Vì hóa chất dùng trong thí nghiệm để xác định có sự tạo thành tinh bột trong quá trình quang hợp ở cây xanh là: dung dịch Iodine, cồn 90 độ, nước cất B. Sai.  C. Sai.  D. Sai. |
| **Nhận biết** | **Câu 5:** Trong thí nghiệm chứng minh quang hợp giải phóng oxygen, điều kiện tiến hành thí nghiệm ở 2 cốc A, B là:  A. cốc A không được chiếu sáng, cốc B được chiếu sáng.  B. cốc A được chiếu sáng, cốc B không được chiếu sáng.  C. cả cốc A và B đều được chiếu sáng.  D.cả cốc A và B đều không được chiếu sáng. | A.Đúng.  Vì điều kiện tiến hành thí nghiệm ở 2 cốc A, B là:  cốc A không được chiếu sáng, cốc B được chiếu sáng. (tạo điều kiện nhận ánh sáng khác nhau ở 2 cốc)  B. Sai. Điều kiện 2 cốc bị đảo ngược nhau  C. Sai. Điều kiện 2 cốc chưa đúng.  D. Sai. Điều kiện 2 cốc chưa đúng. |
| **Thông hiểu** | **Câu 1:**  Trong thí nghiệm chứng minh tinh bột được tạo thành trong quang hợp, mục đích của việc sử dụng băng giấy đen bịt kín một phần ở cả hai mặt lá là gì?  A. Tạo điều kiện nhận được ánh sáng khác nhau ở các phần của lá.  B. Giảm thoát hơi nước qua lá ở phần bị bịt kín.  C. Đánh dấu lá được dùng làm thí nghiệm.  D. Tạo điều kiện nhận được khí carbon dioxide khác nhau ở các phần của lá. | A.Đúng.  Vì mục đích TN là tạo điều kiện nhận được ánh sáng khác nhau ở các phần của lá.  B. Sai.  C. Sai.  D. Sai. |
| **Thông hiểu** | **Câu 2:** Trong thí nghiệm chứng minh tinh bột được tạo thành trong quang hợp, mục đích của việc đun cách thủy lá cây thí nghiệm bằng cồn 90 độ là gì?  A. Tẩy hết chất diệp lục ra khỏi lá.  B. Khử trùng cho lá.  C. Giúp định hình lá dễ dàng hơn khi làm thí nghiệm.  D. Giữ cho lá không bị phân hủy khi đun. | A.Đúng.  Vì mục đích của việc đun cách thủy lá cây thí nghiệm bằng cồn 90 độ là tẩy hết chất diệp lục ra khỏi lá  B. Sai.  C. Sai.  D. Sai. |
| **Thông hiểu** | **Câu 3:** Các bước thí nghiệm:  1. Dùng băng giấy đen bịt kín một phần lá ở cả hai mặt, đặt vào chỗ tối ít nhất 2 ngày.  2. Đun sôi cách thủy lá trong cồn 90 độ.  3. Đem ra chỗ nắng (ánh sáng đèn) 4 đến 8 giờ.  4. Ngắt lá, bỏ giấy đen, đun sôi trong nước sôi 60 giây.  5. Nhúng lá vào dung dịch Iodine.  6. Rửa sạch lá trong cốc nước ấm.  Trình tự đúng các bước làm thí nghiệm chứng minh tinh bột được tạo thành trong quang hợp là:  A. 1-3-2-4-6-5.  B. 1-3-2-4-5-6.  C. 1-2-3-4-5-6.  D. 1-2-4-3-5-6. | A.Đúng.  Vì đó là trình tự các bước tiến hành thí nghiệm (sgk)  B. Sai. Trình tự TN chưa đúng  C. Sai. Trình tự TN chưa đúng  D. Sai. Trình tự TN chưa đúng |
| **Thông hiểu** | **Câu 4:** Cho các nhận định sau:  1. Lá cây chế tạo tinh bột khi có ánh sáng.  2. Chỉ cần có khí carbon dioxide thì cây xanh đã chế tạo được tinh bột.  3. Trong quá trình quang hợp cây nhả ra khí Oxygen.  4. Trong quá trình quang hợp cây nhả ra khí carbon dioxide.  5. Quang hợp ở cây xanh chỉ tạo ra sản phẩm là tinh bột.  *Số nhận định đúng là:*  A. 2 B. 3 C. 4 D. 5 | A.Đúng.  Vì Lá cây chế tạo tinh bột khi có ánh sáng và trong quá trình quang hợp cây nhả ra khí Oxygen.  B. Sai.  C. Sai.  D. Sai. |
| **Thông hiểu** | **Câu 5:** Trong thí nghiệm chứng minh quang hợp ở cây xanh, hiện tượng xảy ra khi đưa que đóm vào miệng ống nghiệm là gì?  A. Que đóm còn tàn đỏ bùng cháy.  B. Que đóm đang cháy bị tắt.  C. Que đóm không có biểu hiện gì.  D. Que đóm bùng cháy mạnh kèm theo tiếng nổ nhỏ. | A.Đúng.  Vì hiện tượng xảy ra khi đưa que đóm vào miệng ống nghiệm là que đóm còn tàn đỏ bùng cháy do có oxygen tạo ra sau quang hợp  B. Sai. Oxygen duy trì sự cháy 🡪 que đóm không tắt  C. Sai. Oxygen duy trì sự cháy 🡪 que đóm bùng cháy  D. Sai. Oxygen duy trì sự cháy 🡪 que đóm bùng cháy nhưng không có tiếng nổ nhỏ. |
| **Thông hiểu** | **Câu 6:** Cho một cành rong đuôi chó vào bình chứa nước. Đổ đầy nước vào một ống nghiệm sau đó úp ngược ống nghiệm vào cành rong đuôi chó sao cho không có bọt khí lọt vào. Để bình nước này ra chỗ có nắng thì sau một thời gian, người ta quan sát thấy hiện tượng gì ?  A. Bọt khí nổi lên và khí dần chiếm chỗ nước trong ống nghiệm.  B. Nước trong bình chuyển dần sang màu hồng nhạt.  C. Nước trong ống nghiệm chuyển màu xanh thẫm.  D. Chất kết tủa màu trắng dần xuất hiện ở đáy ống nghiệm | A.Đúng.  Vì có khí oxygen tạo ra sau quang hợp (bọt khí), đẩy nước trong ống nghiệm.  B. Sai.  C. Sai.  D. Sai. |
| **Vận dụng** | **Câu 1:** Nồng độ khí carbon dioxide và oxygen trong không khí được giữ ổn định nhờ vào đâu?  A. Quá trình quang hợp ở thực vật.  B. Quá trình hô hấp ở thực vật.  C. Quá trình hô hấp ở động vật, con người.  D. Quá trình thoát hơi nước ở thực vật. | A.Đúng.  Vì vai trò quang hợp điều hòa nồng độ khí carbon dioxide và oxygen trong không khí  B. Sai. Hô hấp là tăng nồng độ khí carbon dioxide trong không khí  C. Sai. Hô hấp là tăng nồng độ khí carbon dioxide trong không khí  D. Sai. Thoát hơi nước không điều hòa nồng độ khí carbon dioxide và oxygen trong không khí. |

| ***CẤP ĐỘ*** | ***CÂU HỎI + ĐÁP ÁN*** | ***GIẢI THÍCH CÁC PHƯƠNG ÁN*** |
| --- | --- | --- |
| **BÀI 25: HÔ HẤP TẾ BÀO** | | |
| **Nhận biết** | Câu1. Đoạn câu sau đây nói về khái niệm hô hấp tế bào:  Hô hấp tế bào là quá trình tế bào ...(1)... chất hữu cơ tạo thành Carbon dioxide, nước, đồng thời giải phóng ...(2)...cung cấp cho các hoạt động sống của tế bào và cơ thể.  Chỗ trống (1) và (2) lần lượt là:  A. Phân giải, năng lượng.  B. Tổng hợp, năng lượng.  C. Phân giải, Oxygen.  D. Tổng hợp, Oxygen. | A.Đúng vì: quá trình phân giải và giải năng lượng.  B. Sai vì không phải quá trình tổng hợp.  C. Sai vì giải phóng năng lượng.    D. Sai vì Không phải quá trình tổng hợp và không giải phông Oxygen. |
| Câu 2. Ở tế bào nhân thực, hô hấp tế bào xảy ra ở thành phần cấu trúc nào của tế bào?  A. Ti thể.  B. Nhân tế bào.  C. Lục lạp.  D. Màng tế bào. | A.Đúng vì: hô hấp xảy ra ở bào quan ti thể.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| Câu 3.Sản phẩm cuối cùng của quá trình hô hấp tế bào là gì?  A. Nước + Carbon dioxide + Năng lượng (ATP + nhiệt).  B. Nước + Oxygen + Năng lượng (ATP + nhiệt).  C. Glucose + Oxygen + Năng lượng (ATP + nhiệt).  D. Glucose + Carbon dioxide + Năng lượng (ATP + nhiệt). | A.Đúng vì: .Sản phẩm cuối cùng của quá trình hô hấp tế bào là: Nước + Carbon dioxide + Năng lượng (ATP + nhiệt)  B. Sai vì:  C. Sai vì:  D. Sai vì: |
| Câu 4. Nhiệt độ thuận lợi cho quá trình hô hấp tế bào ở đa số sinh vật trong khoảng bao nhiêu**?**  A. 300C - 350C.  B. 200C - 250C.  C. 350C - 400C.  D. 400C - 450C. | A.Đúng vì Nhiệt độ thuận lợi cho quá trình hô hấp tế bào ở đa số sinh vật trong khoảng 300C - 350C.  B. Sai vì:  C. Sai vì:  D. Sai vì: |
| Câu 5.Trong các sơ đồ chữ sau đây, sơ đồ nào thể hiện quá trình hô hấp tế bào ?  A. Glucose + Oxygen → Nước + Carbon dioxide + Năng lượng (ATP + nhiệt).  B. Glucose + Carbon dioxide → Nước + Oxygen + Năng lượng (ATP + nhiệt)  C. Nước + Carbon dioxide → Glucose + Oxygen + Năng lượng (ATP + nhiệt)  D. Nước + Oxygen → Glucose + Carbon dioxide + Năng lượng (ATP + nhiệt) | A.Đúng vì: Sơ đồ hô hấp tế bào:  Glucose + Oxygen → Nước + Carbon dioxide + Năng lượng (ATP + nhiệt)  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| Câu 6.Những chất nào sau đây là nguyên liệu của quá trình hô hấp tế bào?  A Glucose và Oxygen.  B. Glucose và Carbon dioxide.  C. Nước và Carbon dioxide.  D. Nước và Oxygen. | A.Đúngvì: Glucose và Oxygen  tham gia quá trình hô hấp.  B. Sai vì Carbon dioxide là sản phẩm của quá trình hô hấp.  C. Sai vì: Nước,Carbon dioxide là sản phẩm của quá trình hô hấp.  D. Sai vì: Nước là sản phẩm của hô hấp. |
| Câu 7. Quan sát hình dưới đây, những chất nào sau đây tham gia vào quá trình hô hấp tế bào?  C:\Users\HUY\Desktop\download (1).jpg  A. Glucose và Oxygen.  B. Glucose và nước.  C. Nước và Carbon dioxxide.  D. Nước và Oxygen. | A.Đúng vì: Glucose và Oxygen  tham gia quá trình hô hấp.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| Câu 7. Quan sát hình dưới đây, hô hấp tế bào diễn ra ở thành phần nào của tế bào nhân thực?  **C:\Users\HUY\Desktop\download (1).jpg**  A. Ti thể.  B. Màng tế bào.  C. Lục lạp.  D. Nhân tế bào. | A.Đúng vì: tế bào nhân thực quá trình hô hấp diễn ra trong ti thể.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| Câu 8. Khi nói đến các yếu tố có ảnh hưởng đến hô hấp tế bào, phát biểu nào sau đây **sai?**  A. Cường độ hô hấp tế bào tỉ lệ nghịch với hàm lượng nước trong tế bào.  B.Nhiệt độ thuận lợi cho hô hấp tế bào ở đa số sinh vật khoảng 300C - 350C.  C.Nồng độ Oxygen trong không khí giảm dưới 5% thì cường độ hô hấp tế bào giảm.  D. Nồng độ Carbon dioxxide trong không khí cao hơn 0,03% sẽ ức chế quá trình hô hấp. | A.Đúng vì: Cường độ hô hấp tế bào tỉ lệ thuận với hàm lượng nước trong tế bào.  B. Sai vì: Nhiệt độ thuận lợi cho hô hấp tế bào ở đa số sinh vật khoảng 300C - 350C.  C. Sai vì: Nồng độ Oxygen trong không khí giảm dưới 5% thì cường độ hô hấp tế bào giảm.  D. Sai vì: Nồng độ Carbon dioxxide trong không khí cao hơn 0,03% sẽ ức chế quá trình hô hấp. |
| Câu 9. Những chất nào được tạo ra qua quá trình hô hấp tế bào?  A. Nước, Carbon dioxide, năng lượng ( nhiệt và ATP).  B. Glucose, Carbon dioxide, năng lượng ( nhiệt và ATP).  C. Nước, Oxygen, năng lượng ( nhiệt và ATP).  D. Glucose, Oxygen, năng lượng ( nhiệt và ATP). | A.Đúng vì: Nước, Carbon dioxide, năng lượng ( nhiệt và ATP) là sản phẩm tạo ra của quá trình hô hấp tế bào.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| **Thông hiểu** | Câu 1. Hô hấp tế bào có vai trò như thế nào đối với hoạt động sống của cơ thể sinh vật?  A. Phân giải chất hữu cơ, giải phóng năng lượng cung cấp cho hoạt sống của cơ thể.  B. Tổng chất hữu cơ, giải phóng Carbon dioxide cung cấp cho quá trình quang hợp.  C.Phân giải chất hữu cơ giải phóng Oxygen cần thiết cho cơ thể sinh vật.  D.Tổng hợp chất hữu cơ, giải phóng Oxygen cần thiết cho cơ thể sinh vật. | A.Đúng vì: Hô hấp phân giải chất hữu cơ, giải phóng năng lượng cung cấp cho hoạt sống của cơ thể.  B. Sai vì: không phải quá trình tổng hợp.  C. Saivì: không giải phóng Oxygen.  D. Sai vì:Không phải quá trình tổng hợp, không giải phóng Oxygen. |
| Câu 2. Khi nói về yếu tố nước ảnh hưởng đến hô hấp tế bào, nhận định nào sau đây đúng ?  A. Hàm lượng nước trong tế bào tỉ lệ thuận với cường độ hô hấp.  B. Hàm lượng nước trong tế bào tỉ lệ nghịch với cường độ hô hấp.  C. Hàm lượng nước trong tế bào không ảnh hưởng đến cường độ hô hấp.  D. Nước trong tế bào không ảnh hưởng đến các phản ứng trong hô hấp. | A. Đúng vì: Hàm lượng nước trong tế bào tỉ lệ thuận với cường độ hô hấp.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| Câu 3. Khi nói về mối quan hệ giữa tổng hợp và phân giải hợp chất hữu cơ trong tế bào, phát biểu nào sau đây **sai**?  A.Tổng hợp và phân giải các chất trong tế bào là hai quá trình song song, không phụ thuộc lẫn nhau.  B. Tổng hợp và phân giải các chất trong tế bào là hai quá trình trái ngược nhau, phụ thuộc lẫn nhau.  C. Quá trình tổng hợp các chất trong tế bào cung cấp nguyên liệu cho quá trình phân giải.  D. Quá trình phân giải các chất trong tế bào cung cấp năng lượng và nguyên liệu cho quá trình tổng hợp. | A.Đúng vì: Tổng hợp và phân giải các chất trong tế bào là hai quá trình trái ngược nhau, phụ thuộc lẫn nhau.  B. Sai vì:  C. Sai vì:  D. Sai vì: |
| Câu 4. Ở thực vật, hô hấp tế bào diễn ra ở bộ phận nào của cây?  A. Các tế bào sống của cây.  B. Tế bào ở rễ cây.  C. Tế bào ở thân cây.  D. Tế bào ở lá cây. | A.Đúng vì:  B. Sai vì:  C. Sai vì:  D. Sai vì: |
| Câu 5. Trong trồng trọt, bị ngập úng lâu ngày cây sẽ bị chết vì nguyên nhân nào sau đây?  A.Hàm lượng Oxygen bị thiếu cho tế bào rễ cây hô hấp.  B. Nhiệt độ không đủ cho quá trình hô hấp cuả rễ cây.  C. Hàm lượng nước quá nhiều gây ức chế hô hấp tế bào ở rễ cây.  D. Hàm lượng Carbon dioxide nhiều gây ức chế hô hấp ở tế bào rễ cây. | A.Đúng vì: nước ngập sẽ thiếu Oxygen cung cấp cho rễ hô hấp cây sẽ chết.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| Câu 6. Ở thực vật, quá trình hô hấp tế bào diễn ra vào thời gian nào trong ngày?  A. Cả ngày và đêm.  B. Vào ban ngày.  C. Vào ban đêm.  D. Khi có ánh sáng. | A.Đúng vì: Thực vật nói riêng sinh vật nói chung hô hấp cả ngày đêm.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| Câu 7. Khi nói về hô hấp tế bào ở cơ thể sinh vật, phát biểu nào sau đây **sai**?  A. Hô hấp tế bào tổng hợp chất hữu cơ cần thiết cho cây.  B. Hô hấp tế bào giải phóng năng lượng dạng nhiệt.  C. Hô hấp tế bào giải phóng năng lượng dạng ATP.  D. Hô hấp tế bào giải phóng Carbon dioxide ra ngoài môi trường. | A.Đúng vì: Hô hấp tế bào phân giải chất hữu cơ giải phóng năng lượng cần thiết cho cây.  B. Sai vì: Hô hấp tế bào giải phóng năng lượng dạng nhiệt  C. Sai vì: Hô hấp tế bào giải phóng năng lượng dạng ATP.  D. Sai vì: Hô hấp tế bào giải phóng Carbon dioxide ra ngoài môi trường. |
| Câu 8. Vì sao người ta thường bảo quản hạt giống bằng cách phơi khô hạt độ ẩm khoảng 11- 15% ?  A. Hạt khô cường độ hô hấp tế bào giảm, giúp hạt sống ở trạng thái tiềm sinh.  B. Hạt khô cứng các sinh vật gây hại khó xâm nhập làm hỏng hạt.  C. Hạt khô lượng nước giảm nên hạt nhẹ dễ bảo quản và vận chuyển.  D. Hạt khô lượng nước giảm hạt không còn hoạt động hô hấp. | A.Đúng vì: Hạt khô cường độ hô hấp tế bào giảm, giúp hạt sống ở trạng thái tiềm sinh.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| Câu 9. Trong các trường hợp sau đây, hạt nào diễn ra sự hô hấp mạnh nhất?  A. Hạt đang nảy mầm.  B. Hạt phơi khô.  C. Hạt đang để trong tủ lạnh.  D. Hạt đã luộc chín. | A.Đúng vì: hạt nảy mầm hô hấp mạnh.  B. Sai vì: hạt khô hô hấp giảm.  C. Sai vì: nhiệt độ thấp hạt hô hấp giảm.  D. Sai vì: hạt luộc chín hạt không hô hấp. |
| Câu 10. Quá trình hô hấp tế bào có ý nghĩa gì đối với đời sống sinh vật?  A. Hô hấp tạo ra năng lượng cung cấp cho hoạt động của tế bào và cơ thể sinh vật.  B. Hô hấp đảm bảo sự cân bằng nồng độ Oxygen và Carbon dioxide trong không khí.  C. Hô hấp tạo ra sản phẩm nước có tác dụng điều hòa nhiệt độ cho tế bào và cơ thể sinh vật.  D. Hô hấp tổng hợp chất hữu cơ cần thiết cho hoạt động sống của tế bào và cơ thể sinh vật. | A.Đúng vì: Hô hấp tạo ra năng lượng cung cấp cho hoạt động của tế bào và cơ thể sinh vật.  B. Sai vì không có ý nghĩa đối với cơ thể sinh vật.  C. Sai vì không phải ý nghĩa quan trọng.  D. Sai vì không tổng hợp chất. |
| **Vận dụng** | Câu 1.Trong trồng trọt, người ta thường làm đất tơi xốp nhằm mục đích quan trọng nào sau đây?  A. Thoáng khí, trao đổi khí ở rễ cây thực hiện thuận lợi.  B. Rễ cây bám sâu vào đất, giúp cây đứng vững.  C. Rễ cây dễ dàng hút nước cung cấp đầy đủ cho cây.  D. Rễ bám sâu vào đất hút nhiều muối khoáng cho cây. | A.Đúng vì: Đất tơi xốp thoáng khí, trao đổi khí ở rễ cây thực hiện thuận lợi.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| Câu 2. Biện pháp bảo quản thực phẩm bằng cách hút chân không là tác động đến yếu tố nào sau đây để giảm hô hấp?  A. Giảm nồng độ Oxygen cho quá trình hô hấp.  B. Giảm nồng độ Carbon dioxide trong tế bào.  C. Giảm nhiệt độ trong tế bào.  D. Tăng nhiệt độ trong tế bào. | A.Đúng vì: hút chân không giảm nồng độ Oxygen cho quá trình hô hấp.  B.Sai vì:tăng nồng độ Carbon dioxide trong tế bào.  C. Sai  D. Sai |
| Câu 3. Biện pháp dùng túi polyethylene để bảo quản thực phẩm rau củ là tác động đến yếu tố nào sau đây nhằm hạn chế quá trình hô hấp tế bào ở thực phẩm?  A. Tăng nồng độ Carbon dioxide trong tế bào.  B. Giảm nồng độ Carbon dioxide trong tế bào.  C. Tăng nồng độ Oxygen trong tế bào.  D. Tăng nhiệt độ trong tế bào. | A.Đúng vì: Hô hấp tạo ra Carbon dioxide không thoát ra do có túi polyethylene.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| Câu 4. Để bảo quản hạt giống người ta thường phơi khô hạt. Biện pháp này làm giảm yếu tố nào sau đây nhằm giảm quá trình hô hấp tế bào?  A. Giảm lượng nước có trong hạt.  B. Giảm nhiệt độ trong hạt.  C. Giảm nồng độ Oxygen trong hạt.  D. Giảm nồng độ Carbon dioxide trong hạt. | A.Đúng vì: phơi khô nước bốc hơi làm giảm lượng nước có trong hạt.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| Câu 5. Muốn bảo hạt giống ngũ cốc, người ta dùng biện pháp nào sau đây thuận lợi mà đảm bảo chất lượng hạt?  A. Phơi hoặc sấy hạt giống đến độ ẩm hạt còn 11%-15%.  B. Bảo quản hạt trong môi trường lạnh ở nhiệt độ 00C - 50C .  C. Bảo quản hạt trong điều kiện nồng độ Oxygen cao.  D. Bảo quản hạt trong điều kiện Carbon dioxide thấp. | A.Đúng vì: Phơi hoặc sấy hạt giống đến độ ẩm hạt còn 11%-15% hạt giảm hô hấp tế bào.  B. Sai không thận lợi, tốn điện.  C. Sai vì tốn kém.  D. Sai vì: tốn kém. |
| Câu 6.Ở thực vật, quá trình hô hấp tế bào diễn ra mạnh nhất ở bộ phận nào của cây?  A. Rễ.  B. Thân  C. Lá.  D. Quả | A.Đúng vì rễ cây hô hấp mạnh nhất để tạo ra nồng độ chất tan cao giúp rễ hút nước và muối khoáng.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| Câu 7. Bảo quản hạt giống người ta dùng phương pháp nào thích hợp sau đây ?  A. Khơi khô hạt tới độ ẩm khoảng 11%- 15 %.  B. Cất giữ hạt trong điều kiện nhiệt độ 00C.  C. Cất giữ hạt trong điều kiện nồng độ Oxygen giảm dưới 5%.  D. Bảo quản hạt bằng cách hút chân không. | A.Đúng vì: Khơi khô hạt tới độ ẩm khoảng 11%- 15 %. hạt giảm hô hấp sống trạng thái tiềm sinh.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| Câu 8. Ở người, hoạt động nào sau đây có tốc độ hô hấp tế bào xảy ra trong cơ thể nhanh nhất ?  A. Người đang chạy bộ.  B. Người đang đi bộ.  C. Người đang đọc sách.  D. Người đang ngủ. | A.Đúng vì: Người đang chạy bộ cơ thể tiêu hao năng lượng nhiều mà hô hấp giải phóng năng lượng do đó hô hấp tăng nhanh.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| Câu 9.Trong quá trình sinh trưởng và phát triển ở cây lúa, hô hấp mạnh trong giai đoạn nào sau đây?  A. Hạt lúa đang nảy mầm.  B. Cây phát triển.  C. Cây trổ bông.  D. Lúa đang kết hạt. |  |
| Câu 10. Yếu tố nào sau đây làm giảm hô hấp tế bào khi phơi khô hạt?  A.Hàm lượng nước trong tế bào giảm.  A.Hàm lượng Oxygen trong tế bào giảm.  A.Hàm lượng Carbon dioxide trong tế bào giảm.  A.Hàm lượng chất dinh dưỡng trong tế bào giảm. | A.Đúng vì: hạt phơi giảm hàm lượng nước, giảm hô hấp tế bào.  B. Sai vì:  C. Sai vì:  D. Sai vì: |
| **CẤP ĐỘ** | **CÂU HỎI + ĐÁP ÁN** | **GIẢI THÍCH CÁC PHƯƠNG ÁN** |
| **BÀI 26: THỰC HÀNH VỀ HÔ HẤP TẾ BÀO Ở THỰC VẬT THÔNG QUA SỰ NẢY MẦM CỦA HẠT** | | |
| **Nhận biết** | Câu 1. Hình dưới đây mô tả một thí nghiệm về hô hấp ở thực vật. Phát biểu nào sau đây đúng?  **C:\Users\HUY\Desktop\Hình ảnh hô hấp tế bào.png**  A. Đây là thí nghiệm chứng minh hô hấp tế bào có giải phóng năng lượng.  B. Đây là thí nghiệm chứng minh quá trình hô hấp tế bào có giải phóng ra Carbon dioxide  C. Đây là thí nghiệm chứng minh quá trình hô hấp tế bào có tiêu hao năng lượng.  D. Đây là thí nghiệm chứng minh quá trình hô hấp tế bào tạo ra hơi nước. | A.Đúng vì: Đây là thí nghiệm chứng minh hô hấp tế bào có giải phóng năng lượng nhiệt kế chỉ số cao hơn bình hạt không hô hấp.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| Câu 2. Hãy quan sát thí nghiệm hô hấp ở hạt đậu trong hình dưới đây. Tại sao nhiệt độ trong bình A cao hơn nhiệt độ trong bình B?  **C:\Users\HUY\Desktop\Hình ảnh hô hấp tế bào.png**  A. Trong bình A hạt hô hấp giải phóng nhiệt, hình B hạt không thực hiện quá trình hô hấp.  B. Trong bình A hạt không thực hiện hô hấp, hình B hạt thực hiện quá trình hô hấp tạo ra nước nên nhiệt độ thấp.  C. Bình A cường độ hô hấp của hạt mạnh hơn nên giải phóng nhiều nhiệt hơn.  D. Bình B cường độ hô hấp của hạt mạnh hơn nên tạo ra nước làm nhiệt độ giảm hơn. | A.Đúng vì: A. Trong bình A hạt hô hấp giải phóng nhiệt, hình B hạt không thực hiện quá trình hô hấp.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| Câu 3. Khi thực hành thí nghiệm chứng minh hạt hô hấp sinh ra nhiệt lượng.Người ta tiến hành như sau:  - Ngâm 100 hạt đậu trong nước sôi khoảng 350C - 400C trong 4-12 giờ, vớt ra để nguội rồi cho vào bình A.  - Luộc chín 100 hạt đậu, vớt ra để nguội rồi cho vào bình B.  Thực hiện thí nghiệm như hình sau:  **C:\Users\HUY\Desktop\Hình ảnh hô hấp tế bào.png**  Em hãy quan sát hình mô tả thí nghiệm, Chọn kết luận nào đúng sau đây?  A. Hạt trong bình A ngâm ở nhiệt độ thích hợp nên hạt hô hấp và có tạo ra nhiệt.  B. Hạt trong bình B đã luộc chín nên hạt hô hấp yếu và tạo ra ít nhiệt.  C. Hạt trong bình A hô hấp yếu nên nhiệt độ trong bình A cao.  D. Hạt trong bình B đã luộc chín nên nhiệt độ trong bình B cao. | A.Đúng vì: Hạt trong bình A ngâm ở nhiệt độ thích hợp nên hạt hô hấp và có tạo ra nhiệt.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| **Thông hiểu** | Câu 1. Ở thí nghiệm 2 SGK chân trời sáng tạo bài 26. Khi đưa nến đang cháy vào bình C thì nền tắt, Rót nước vôi trong vào bình D thì nước vôi hóa đục. Điều này kết luận gì qua thí nghiệm?  A. Hạt hô hấp hấp thụ khí Oxygen và thải ra khí Carbon dioxide.  B. Hạt hô hấp hấp thụ khí khí Carbon dioxide và thải ra Oxygen.  C. Hạt hô hấp hấp thụ khí Carbon dioxide và thải ra hơi nước.  D. Hạt hô hấp hấp thụ nước và thải ra khí Oxygen. | A. Đúng vì Hạt hô hấp hấp thụ khí Oxygen và thải ra khí Carbon dioxide làm nến tắt.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
|  |  |
| **Vận dụng** | Câu 1.Trước khi gieo hạt nên ngâm hạt từ 4-12 giờ trong nước tùy vào loại hạt. Khoảng nhiệt độ nào của nước tốt nhất để ngâm hạt thuận lợi cho hạt nảy mầm ?  A. 300C - 350C  B. 200C - 250C  C. 400C - 450C  D. 450C - 500C | A.Đúng vì: nhiệt độ khoảng 300C - 350C thuận lợi cho hạt nảy mầm.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| **CẤP ĐỘ** | **CÂU HỎI + ĐÁP ÁN** | **GIẢI THÍCH CÁC PHƯƠNG ÁN** |
| **BÀI 27: TRAO ĐỔI KHÍ Ở SINH VẬT** | | |
| **Nhận biết** | Câu 1. Ở thực vật,quá trình trao đổi khí giữa cơ thể với môi trường ngoài diễn ra vào thời gian nào?  A. Cả ngày và đêm.  B. Khi có ánh sáng mặt trời.  C. Vào ban ngày.  D. Vào ban đêm. | A.Đúng vì: Cây hô hấp cả ngày và đêm.  B. Sai.  C. Sai.  D. Sai. |
| Câu 2.Các động vật nhóm giun trao đổi khí với môi trường ngoài qua bộ phận nào sau đây?  A. Bề mặt cơ thể.  B. Ống khí.  C. Phổi.  D. Mang. | A.Đúng vì: các nhóm giun trao đổi khí qua bề mặt cơ thể.  B. Sai.  C. Sai.  D. Sai. |
| Câu 3. Ở cây hai lá mầm, khí khổng tập trung chủ yếu ở bộ phận nào của lá cây?  A. Khí khổng tập trung chủ yếu ở biểu bì mặt dưới của lá.  B. Khí khổng tập trung chủ yếu ở biểu bì mặt trên của lá.  C. Khí khổng tập trung chủ yếu ở biểu bì hai mặt của lá.  D. Khí khổng tập trung chủ yếu ở gân lá. | A.Đúngvì: Cây hai lá mầm khí khổng tập trung chủ yếu ở biểu bì mặt dưới của lá.  B. Sai.  C. Sai vì ở cây một lá mầm khí khổng tập trung chủ yếu ở biểu bì mặt trên của lá.  D. Sai. |
| Câu 4.Ở cây một lá mầm, khí khổng tập trung chủ yếu ở bộ phận nào của lá cây?  A. Khí khổng tập trung ở biểu bì cả mặt trên và mặt dưới của lá.  B. Khí khổng chủ yếu tập trung ở biểu bì mặt trên của lá.  C. Khí khổng chủ yếu tập trung ở biểu bì mặt dưới của lá.  D. Khí khổng chủ yếu tập trung ở gân lá. | A.Đúng vì:cây một lá mầm khí khổng tập trung ở biểu bì cả mặt trên và mặt dưới của lá.  B. Sai.  C. Sai.  D. Sai. |
| Câu 5. Ở động vật, các loài côn trùng trao đổi khí vớ môi trường ngoài qua bộ phận nào sau đây?  A. Hệ thống ống khí.  B. Mang.  C. Bề mặt cơ thể.  D. Phổi | A.Đúng vì: Các loài côn trùng trao đổi khí vớ môi trường ngoài qua hệ thống ống khí.  B. Sai.  C. Sai.  D. Sai. |
| Câu 6. Động vật đơn bào trao đổi khí với môi trường ngoài qua bộ phận nào sau đây?  A. Bề mặt cơ thể.  B. Phổi.  C. Hệ thống ống khí.  D. Mang. | A.Đúng vì: Động vật đơn bào trao đổi khí với môi trường ngoài qua bề mặt cơ thể.  B. Sai.  C. Sai.  D. Sai. |
| Câu 7. Động vật thuộc nhóm ruột khoang, trao đổi khí với môi trường ngoài qua bộ phận nào sau đây?  A. Bề mặt cơ thể.  B. Phổi.  C. Hệ thống ống khí.  D. Mang. | A.Đúng vì: Động vật thuộc nhóm ruột khoang, trao đổi khí với môi trường ngoài qua bề mặt cơ thể.  B. Sai.  C. Sai.  D. Sai. |
| Câu 8. Châu chấu trao đổi khí với môi trường ngoài qua bộ phận nào sau đây?  A. Hệ thống ống khí.  B. Phổi.  C. Da.  D. Mang. | A.Đúng vì: Châu chấu trao đổi khí với môi trường ngoài qua hệ thống ống khí.  B. Sai.  C. Sai.  D. Sai. |
| Câu 9. Ở động vật, nhóm giun trao đổi khí với môi trường ngoài qua bộ phận nào sau đây?  A. Bề mặt cơ thể.  B. Ống khí.  C. Phổi.  D. Mang. | A. Đúng vì: nhóm giun trao đổi khí với môi trường ngoài qua bề mặt cơ thể.  B. Sai.  C. Sai.  D. Sai. |
| Câu10. Nhóm động vật nào sau đây, trao đổi khí giữa cơ thể với môi trường qua phổi?  A. Bò sát.  B. Ruột khoang.  C. Chân khớp.  D. Giun tròn. | A.Đúng vì bò sát trao đổi khí giữa cơ thể với môi trường qua phổi.  B. Sai vì: ruột khoang trao đổi khí qua bề mặt cơ thể.  C. Sai vì: chân khớp trao đổi khí qua hệ thống ống khí.  D. Sai vì:giun tròn trao đổi khí qua bề mặt cơ thể. |
| Câu 11. Ở người, nơi nào diễn ra sự trao đổi khí?  A. Phế nang ở phổi.  B. Khoang mũi.  C. Khí quản.  D. Phế quản. | A.Đúng vì: sự trap đổi khí xảy ra tại phế nang.  B. Sai.  C. Sai.  D. Sai. |
|  |  |
| **Thông hiểu** | Câu 1.Khi nói về khí khổng ở lá cây, phát biểu nào sau đây **sai**?  A. Khi tế bào thiếu nước khí khổng mở ra để lấy nước cần thiết cho tế bào.  B. Thực vật trao đổi khí với môi trường chủ yếu qua khí khổng ở lá cây..  C. Sự đóng mở của khí khổng ảnh hưởng đến tốc độ trao đổi khí với môi trường.  D. Khí khổng còn thực hiện chức năng thoát hơi nước cho cây. | A.Đúng vì: Khi tế bào thiếu nước , không bào nhỏ đi, thành mỏng không căng, thành trong dày duỗi thẳng làm khe khí khổng hẹp.  B. Sai vì đúng.  C. Sai vì đúng.  D. Sai vì đúng. |
| Câu 2. Khi nói về trao đổi khí ở sinh vật, phát biểu nào sau đây **sai?**  A. Ở sinh vật, trao đổi khí là quá trình nhận khí Oxygen từ môi trường vào cơ thể và thải ra ngoài Carbon dioxide.  B. Ở người, trao đổi khí thực hiện thông qua hoạt động hít vào và thở ra, các khí trao đổi diễn ra tại phế nang của phổi.  C. Ở thực vật, trao đổi khí thực hiện qua quá trình quang hợp và hô hấp, các khí trao đổi chủ yếu qua khí khổng ở lá cây.  D. Ở động vật đơn bào, trao đổi khí được thực hiện qua bề mặt cơ thể sinh vật. | A.Đúng vì: ở thực vật trao đổi khi trong hô hấp nhận khí Carbon dioxide từ môi trường vào cơ thể.  B. Sai vì nội dung đúng.  C. Sai vì nội dung đúng.  D. Sai vì nội dung đúng. |
| Câu 3. Khi nói về cấu tạo và chức năng của khí khổng ở lá cây, phát biểu nào sau đây **sai**?  A. Khí khổng thực hiện chức năng hút nước cho cây khi cây thiếu nước.  B. Khí khổng đóng mở giúp cây trao đổi khí với môi trường ngoài..  C. Khí khổng gồm hai tế bào hình hạt đậu úp vào nhau tạo khe khí khổng.  D. Khí khổng mở to khi cây được chiếu sáng và cung cấp đủ nước. | A.Đúng vì: khí khổng không thực hiện chức năng hút nước cho cây.  B. Sai vì đúng.  C. Sai vì đúng.  D. Sai vì đúng. |
| Câu 4. Trong quá trình hô hấp ở động vật, khí Oxygen từ môi trường ngoài vào đến đâu của cơ thể?  A. Oxygen cung cấp cho các tế bào của cơ thể.  B. Oxygen cung cấp cho các tế bào ở phổi.  C. Oxygen cung cấp cho các tế bào máu.  D. Oxygen cung cấp cho các tế bào ở cơ quan hô hấp.. | A.Đúng vì: Oxygen cung cấp cho các tế bào của cơ thể để oxi hóa hợp chất hữu cơ giải phóng năng lượng cung cấp cho tế bào và hoạt động của cơ thể.  B. Sai.  C. Sai.  D. Sai. |
| Câu 5.Trường hợp nào sau đây thực vật gây hại đến sức khỏe con người?  A. Trang trí chậu hoa trong phòng ngủ kín.  B. Trang trí chậu hoa ở phòng khách.  C. Trang trí chậu hoa ở phòng học.  D. Trang trí chậu hoa ở phòng ăn. | A.Đúng vì: trang trí chậu hoa trong phòng ngủ kín, cây thực hiện quá trình hô hấp hút oxygen thải ra Carbon dioxide ban đêm sẽ thiếu Oxygen trong phòng kín.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| Câu 6. Trong hô hấp ở người, câu nào sau đây thể hiện đúng con đường đi của khí Oxygen từ môi trường đến các tế bào qua động tác hít vào?  A. Oxygen từ môi trường qua mũi đến khoang mũi qua khí quản đến phế quản vào phổi đến các phế nang và khuếch tán vào máu đến các tế bào.  B. Oxygen từ môi trường qua mũi đến khoang mũi qua khí quản đến phế quản vào phổi đến các phế nang và khuếch tán vào máu đến các tế bào.  C. Oxygen từ môi trường qua mũi đến khoang mũi qua khí quản đến phế quản vào phổi đến các phế nang và khuếch tán vào máu đến các tế bào.  D. Oxygen từ môi trường qua mũi đến khoang mũi qua khí quản đến phế quản vào phổi đến các phế nang và khuếch tán vào máu đến các tế bào. | A.Đúng vì: vì Oxygen từ môi trường qua mũi,khoang mũi, khí quản, phế quản, phổi đến phế nang.  Tại phến nang diễn ra sự trao đổi khí.  B. Sai.  C. Sai.  D. Sai. |
| Câu 7. Dựa vào đặc điểm nào sau đây để phân biệt cá mới chết còn tươi?  A. Mang cá còn đỏ.  B. Vảy cá còn nguyên.  C. Vây cá còn đủ.  D. Thân cá duỗi thẳng. | A.Đúng vì: mang cá chứa nhiều mao mạch cá mới chết mang vẫn còn đỏ.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| **Vận dụng** | Câu 1. Ở động vật đơn bào, trao đổi khí giữa cơ thể với môi trường qua bộ phận nào của cơ thể?  A. Bề mặt cơ thể.  B. Hệ thống ống khí.  C. Phổi và túi khí.  D. Da và túi khí. | A.Đúng vì: động vật đơn bào, trao đổi khí giữa cơ thể với môi trường qua bề mặt cơ thể.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| Câu 2. Giun đất thích hợp sống những nơi nào sau đây **?**  A. Đất tơi, xốp, ẩm.  B. Đất khô ráo.  C. Đất ngập nước.  D. Đất bùn lầy. | A.Đúng vì Giun đất thường sống những nơi nào sau đất tơi, xốp, ẩm thuận lợi cho việc trao đổi khí qua bề mặt cơ thể.  B. Sai vì đất khô ráo không thuận lợi cho hô hấp qua bề mặt cơ thể.  C. Sai vì đất ngập nước, thiếu Oxygen, không thực hiện được sự trao đổi khí.  D. Sai vì: đất bùn lầy giun đất không thực hiện được sự trao đổi khí với môi trường |
| Câu 3. Động vật nào sau đây, trao đổi khí giữa cơ thể với môi trường qua mang?  A. Cua.  B. Rắn.  C. Chuột.  D. Châu chấu. | A.Đúng vì: Cua trao đổi khí với môi trường qua mang.  B. Sai vì: Rắn trao đổi khí qua phổi.  C. Sai vì: Chuột trao đổi khí qua phổi.  D. Sai vì: châu chấu trao đổi khí qua hệ thống ống khí. |
| Câu 4. Động vật nào sau đây, trao đổi khí giữa cơ thể với môi trường qua phổi?  A. Rắn.  B. Cá chép.  C. Tôm.  D. Giun đũa. | A.Đúng vì: rắn trao đổi khí qua phổi.  B. Sai.  C. Sai.  D. Sai. |
| Câu 5. Nhóm động vật nào sau đây, trao đổi khí giữa cơ thể với môi trường qua phổi ?  A. Bò sát.  B. Ruột khoang.  C. Chân khớp.  D. Giun tròn. | A.Đúng vì nhóm bò sát trao đổi khí với môi trường qua phổi.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| Câu 6. Nhóm động vật nào sau đây, trao đổi khí giữa cơ thể với môi trường qua bề mặt cơ thể ?  A. Giun tròn.  B. Cá.  C. Chân khớp.  D. Bò sát. | A.Đúng vì: Giun tròn trao đổi khí giữa cơ thể với môi trường qua bề mặt cơ thể.  B. Sai.  C. Sai.  D. Sai. |
| Câu **7**. Trong các động vật sau đây, động vật nào trao đổi khí với môi trường qua da?  A. Giun đất.  B. Tôm.  C. Cá chép.  D. Thằn lằn. | A.Đúng vì: Giun đất trao đổi khí với môi trường qua da  .B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| Câu 8. Trong các động vật sau đây, động vật nào trao đổi khí với môi trường qua mang?  A. Cá chép.  B. Châu chấu.  C. Gà.  D. Thằn lằn. | A.Đúng vì: cá chép trao đổi khí với môi trường qua mang.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| Câu 9. Trong các động vật sau đây, động vật nào trao đổi khí với môi trường qua phổi?  A.Thằn lằn.  B. Tôm.  C. Cá chép.  D. Giun đất | A.Đúng vì: thằn lằn trao đổi khí qua phổi.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| Câu 10.Trong các động vật sau đây, động vật nào trao đổi khí với môi trường qua phổi?  A. Vịt.  B. Châu chấu.  C. Cá chép.  D. Chuồn chuồn. | A.Đúng vì vịt trao đổi khí với môi trường qua phổi.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| Câu 11. Trong các động vật sau đây, động vật nào trao đổi khí với môi trường qua hệ thống ống khí?  A. Dế.  B. Giun đất.  C. Thằn lằn.  D. Chim sâu. | A.Đúng vì: Dế trao đổi khí qua hệ thống ống khí.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| Câu 12. Động vật thuộc nhóm côn trùng trao đổi khí với môi trường qua bộ phận nào sau đây?  A.Hệ thống ống khí.  B. Mang.  C. Phổi.  D. Bề mặt cơ thể. | A.Đúng vì: Động vật thuộc nhóm côn trùng trao đổi khí qua hệ thống ống khí.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| Câu 13. Nhóm động vật lưỡng cư hô hấp bằng cơ quan nào?  A. Da và phổi.  B. Hệ thống ống khí.  C. Phổi và túi khí.  D. Da và túi khí. | A.Đúng vì:lưỡng cư vừa sống ở cạn vừa sống ở nước, trao đổi khí bằng da và phổi.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| **CẤP ĐỘ** | **CÂU HỎI + ĐÁP ÁN** | **GIẢI THÍCH CÁC PHƯƠNG ÁN** |
| **BÀI 28: VAI TRÒ CỦA NƯỚC VÀ CÁC CHẤT DINH DƯỠNG ĐỐI VỚI CƠ THỂ SINH VẬT.** | | |
| **Nhận biết** | Câu 1**.**Khi nói về tính chất của nước, phát biểu nào sau đây **sai**?  A. Nước là dung môi có khả năng hòa tan tất cả các chất rắn, lỏng, khí.  B. Nước là chất lỏng không hình dạng xác định, không màu, không mùi, không vị.  C. Nước có tính chất dẫn điện và dẫn nhiệt, sôi ở 1000C, đông đặc ở 00C.  D. Nước có tính chất phân cực nên các phân tử nước hút lẫn nhau và hút các phân tử phân cực khác. | A. Đúng vì: Nước không hòa tan hết các chất.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| Câu 2. Quan sát hình cấu trúc phân tử nước, phát biểu nào sau đây đúng?    A. Mỗi phân tử nước gồm một nguyên tử Oxygen liên kết với hai nguyên tử Hidrogen bằng liên kết cộng hóa trị.  B. Mỗi phân tử nước gồm nguyên tử Oxygen và nguyên tử Hidrogen liên kết với nhau bằng liên kết cộng hóa trị.  C. Mỗi phân tử nước gồm hai nguyên tử Hidrogen liên kết với nhau và liên kết với một nguyên tử Oxygen bằng liên kết hóa trị.  D. Mỗi phân tử nước gồm một nguyên tử Hidrogen liên kết với hai nguyên tử Oxygen bằng liên kết cộng hóa trị. | A. Đúng vì: Mỗi phân tử nước gồm một nguyên tử Oxygen liên kết với hai nguyên tử Hidrogen bằng liên kết cộng hóa trị.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| Câu 3.Nhóm chất nào sau đây cung cấp năng lượng cho cơ thể động vật?  A. Carbohydrate, lipid và protein.  B. Carbohydrate, vitamin và protein.  C. Protein, vitamin, muối khoáng.  D. Lipid, protein, muối khoáng. | A.Đúng vì:nhómchất Carbohydrate, lipid và protein cung cấp năng lượng cho cơ thể động vật.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| Câu 4. Chất dinh dưỡng nào sau đây có vai trò tham gia cấu tạo tế bào, cung cấp năng lượng cho cơ thể động vật?  A. Carbonhydrate.  B. Lipid.  C. Protein.  D. Vitamin. | A. Đúng vì: Carbonhydrate có vai trò tham gia cấu tạo tế bào, cungcấp năng lượng cho cơ thể động vật.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| Câu 5. Chất dinh dưỡng nào sau đây có vai trò tham gia cấu tạo màng sinh chất, cung cấp năng lượng cho cơ thể động vật?  A. Lipid.  B. Carbonhydrate.  C. Protein.  D. Viatmin. | A. Đúng vì: Lipid có vai trò tham gia cấu tạo màng sinh chất, cung cấp năng lượng cho cơ thể độngvật.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| Câu 6. Nguyên tố nào sau đây có vai trò quan trọng cấu tạo nên Protein và chất diệp lục trong tế bào cơ thể thực vật?  A. Nitrogen..  B. Oxygen.  C. Hydrogen  D. Phosphorus. | A. Đúng vì: Nitrogen có vai trò quan trọng cấu tạo nê Protein và chất diệp lục trong tế bào cơ thể thực vật?  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| Câu 7. Nhóm các nguyên tố nào sau đây tham gia vào cấu tạo cơ thể thực vật?  A. C, H,O, N, P.  B. C, H, Fe, N, P.  C. C, H, O, Zn, P.  D. C, Cu, O, N, P. | A. Đúng vì: nhóm nguyên tố C, H,O, N, P tham gia vào cấu tạo cơ thể thực vật.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| Câu 8. Nhóm các nguyên tố nào sau đây tham gia điều hòa các quá trình trao đổi chất trong cơ thể sinh vật?  A.Fe, Zn, Cu, Mo.  B. C, Zn, P, Mo.  C. H, P, Cu, Mo.  D. Fe, C, N, Mo. | A. Đúng vì: Fe, Zn, Cu, Mo tham gia điều hòa các quá trình trao đổi chất trong cơ thể sinh vật?  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| Câu 9. Nước chiếm khoảng bao nhiêu phần trăm khối lượng cơ thể của sinh vật sống trên cạn?  A. 70%.  B. 50%.  C. 60%.  D. 80%. | A. Đúng vì nước chiếm khoảng 70% khối lượng cơ thể.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| Câu 10. Câu nào sau đây **không** thể hiện vai trò của nước đối với cơ thể sinh vật?  A. Cung cấp năng lượng cho cơ thể sinh vật.  B. Điều hòa nhiệt độ cơ thể sinh vật.  C.Dung môi hòa tan, vận chuyển các chất.  D.Nguyên liệu và môi trường của các phản ứng chuyển hóa. | A. Đúng vì: nước không cung cấp năng lượng cho cơ thể sinh vật.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| Câu 11.Nhóm chất nào sau đây không cung cấp năng lượng nhưng rất cần thiết cho cơ thể động vật?  A. Vitamin và muối khoáng.  B. Carbohydrate và vitamin.  C. Protein và muối khoáng.  D. Lipid và protein. | A. Đúng vì vitamin và muối khoáng không cung cấp năng lượng nhưng rất cần cho cơ thể động vật.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| **Thông hiểu** | Câu 1. Carbonhydrat có vai trò nào sau đây trong cơ thể sinh vật?  A. Cấu tạo tế bào, cung cấp năng lượng cho cơ thể.  B. Điều hòa các hoạt động sinh lí của tế bào.  C. Xúc tác các hoạt động sinh lí của tế bào.  D.Vận chuyển các chất dinh dưỡng trong cơ thể. | A. Đúng vì: Carbonhydrat có vai trò cấu tạo tế bào, cung cấp năng lượng cho cơ thể.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| Câu 2. Khi nói về vai trò của nước trong hô hấp, phát biểu nào sau đây **sai**?  A. Nguyên liệu cung cấp năng lượng cho cơ thể.  B. Điều hòa nhiệt độ cơ thể, vận chuyển các chất.  C. Xúc tác các hoạt động sinh lí của tế bào.  D. Là môi trường diễn ra các phản ứng chuyển hóa. | A. Đúng vì nước không phải nguyên liệu cung cấp năng lượng cho cơ thể.  B. Sai vì đúng.  C. Sai vì đúng.  D. Sai vì đúng. |
| Câu3. Khi nhiệt độ ngoài môi trường nóng, cơ thể người toát mồ hôi. Trường hợp này thể hiện vai trò nào sau đây của nước đối với cơ thể?  A. Điều hòa thân nhiệt.  B. Vận chuyển các chất.  C. Dung môi hòa tan các chất.  D. Môi trường diễn ra các phản ứng chuyển hóa. | A. Đúng vì: cơ thể tiết mồ hôi . điều hòa thân nhiệt.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| Câu 4.Nước là môi trường sống duy nhất cho nhóm động vật nào dưới đây?  A. Cá.  B. Giun.  C. Chim.  D. Thú. | A. Đúng vì: nước là môi trường sống duy nhất của cá.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| Câu 5.Nhóm chất dinh dưỡng nào sau đây cung cấp năng lượng nhiều nhất cho cơ thể động vật?  A.Carbohydrate.  B. Protein.  C. Lipid.  D. Vitamin và muối khoáng. | A. Đúng vì: Carbohydrate cung cấp năng lượng chính cho cơ thể động vật.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| **Vận dụng** | Câu 1.Vì sao người ta phơi khô thực phẩm thì khối lượng thực phẩm giảm đi ?  A. Nước trong tế bào của thực phẩm thoát ra ngoài.  B. Chất dinh dưỡng trong thực phẩm mất đi.  C. Các muối khoáng trong tế bào thực phẩm thoát ra ngoài.  D. Các tế bào của thực phẩm mất đi. | A. Đúng vì: Nước trong tế bào của thực phẩm thoát ra ngoài.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| Câu 2.Trong trồng trọt cây biểu hiện sinh trưởng kém, thân còi cọc, ít đẻ nhánh, lá màu nhạt và rụng sớm là do thiếu nguyên tố dinh dưỡng nào sau đây?  A. Nitrogen.  B. Phosphorus.  C. Manganese  D. Calcium. | A. Đúng vì: cây biểu hiện sinh trưởng kém, thân còi cọc, ít đẻ nhánh, lá màu nhạt và rụng sớm là do thiếu Nitrogen.  B. Sai vì thiếu Phosphorus cây sinh trưởng chậm, lá nhanh già dễ rụng  C. Sai vì thiếu Manganese gân lá và thịt lá có màu xanh đậm rồi chuyển vàng.  D. Sai vì thiếu Calcium lá non biến dạng, trái nứt... |
| Câu 3.Ở người, bệnh bướu cổ là do cơ thể thiếu nguyên tố nào sau đây?  A. Iodine.  B. Calcium.  C. Iron.  D. Zinc. | A. Đúng vì: bệnh bướu cổ là do cơ thể thiếu Iodine.  B. Sai vì thiếu Calcium bệnh về xương.  C. Sai vì thiếu Iron liên quan đến tim mạch, hô hấp.  D. Sai vì thiếu Zinc gây bệnh rụng tóc, ảnh hưởng thị lực... |
| Câu 4. Khi bệnh nhân bị tiêu chảy hoặc sốt, Bác sĩ khuyên nên uống dung dịch Oresol có tác dụng gì?  A. Bổ sung nước và chất điện giải cho cơ thể.  B. Điều hòa nhiệt độ cơ thể.  C. Bổ sung chất dinh dưỡng cho cơ thể.  D. Thuốc có tác dụng điều trị bệnh. | A. Đúng vì: dung dịch Oresol có tác dụng bổ sung nước và chất điện giải cho cơ thể.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| Câu 5. Ở trẻ bệnh còi xương là do nguyên nhân cơ thể thiếu vitamin nào sau đây?  A. Vitamim D.  B. Vitamim A.  C. Vitamim C.  D. Vitamim B. | A. Đúng vì: Bệnh còi xương ở trẻ em nguyên nhân chủ yếu là thiếu vitamin D.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| Câu 6. Ở người bệnh quáng gà là do cơ thể thiếu Vitamin nào sau đây?  A. Vitamim A.  B. Vitamim D.  C. Vitamim C.  D. Vitamim B. | A. Đúng vì: Thiếu Vitamin Agaay bệnh khô mắt làm giảm chức năng thị lực.  B. Sai  C. Sai  D. Sai |
| Câu 7. Trước khi gieo hạt, người ta thường làm cách nào sau đây để hạt mau nảy mầm?  A. Ngâm hạt trong nước hoặc nước ấm từ 4- 12 giờ tùy loại hạt.  B. Ngâm hạt trong nước có pha muối từ 4- 12 giờ tùy loại hạt.  C. Ngâm hạt trong nước đá từ 4- 12 giờ tùy loại hạt.  D. Ngâm hạt trong nước có hòa tan phân bón từ 4- 12 giờ tùy loại hạt. | A. Đúng vì hạt giống thường khô ngâm hạt hạt hút nước , tăng hoạt động chuyển hóa trong tế bào giúp hạt nảy mầm.  B. Sai vì nước muối ảnh hưởng đến hoạt động sinh lí của hạt.( giảm)  C. Sai  D. Sai |
| Câu 8. Cho các biện pháp rèn luyện cơ thẻ sau:  1.Tập thể dục thường xuyên.  2. Luyện tập hít thở sâu đúng cách.  3. Cung cấp đủ nước cho cơ thể hàng ngày.  4. Cung cấp nhiều chất dinh dưỡng cho cơ thể.  5. Khẩu phần ăn chú ý có đủ các nhóm chất.  6. Khi đi ngoài nắng về nhà tắm ngay.  Các biện pháp nào sau đây là biện pháp rèn luyện khoa học để có một cơ thể phát triển, khỏe manh?  A. 1,2,3, 5.  B. 1,2,4,5.  C. 3,4,5,6.  D. 1,2,3,6. | A. Đúng vì các biện pháp rèn luyện khoa học.  B. Sai vì 4, cung cấp nhiều chất dinh dưỡng không phải là biện phapskhoa học.  C. Sai vì 6. Khi ngoài nắng về tắm ngay cơ thể bị sốc nhiệt có thể bị cảm.  D. Sai vì 6. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Bài 29.Trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật | | | |
| **Nhận biết** | **Câu 1:** Đối với các loại thực vật ở cạn, nước được hấp thụ chủ yếu là bộ phận nào sau đây?  A. lông hút ở rễ.  B. toàn bộ bề mặt cơ thể.  C. chóp rễ.  D. khí khổng. | A.Đúng.  Vì thực vật ở cạn, nước được hấp thụ chủ yếu qua lông hút ở rễ.  B. Sai.  C. Sai.  D. Sai. |
| **Nhận biết** | **Câu 2:** Thực vật thủy sinh hấp thụ nước qua:  A. bề mặt cơ thể.  B. lông hút ở rễ.  C. lá.  D. thân. | A.Đúng.  Vì Thực vật thủy sinh hấp thụ nước qua bề mặt cơ thể vì sống hẳn trong môi trường nước  B. Sai. Thực vật ở cạn.  C. Sai. Lá không thực hiện chức năng hút nước  D. Sai. Thân không thực hiện chức năng hút nước |
| **Nhận biết** | **Câu 3:**Lông hút của rễ do tế bào nào phát triển thành?   1. Tế bào biểu bì. 2. tế bào mạch gỗ ở rễ. 3. tế bào mạch rây ở rễ. 4. tế bào thịt vỏ | A.Đúng.  Vì lông hút của rễ do tế bào biểu bì phát triển thành  B. Sai.  C. Sai.  D. Sai. |
| **Nhận biết** | **Câu 4:** Ở thực vật có mạch, nước được vận chuyển từ rễ lên lá chủ yếu theo con đường nào sau đây?  A. Mạch gỗ  B. Mạch rây  C. Tế bào chất  D. Mạch gỗ và mạch rây | A.Đúng.  Vì vận chuyển nước từ rễ lên lá là vai trò của mạch gỗ.  B. Sai. Mạch rây vận chuyển chất hữu cơ  C. Sai. Tế bào chất không vậ chuyển nước  D. Sai. Mạch gỗ và mạch rây có vai trò khác nhau. |
| **Nhận biết** | **Câu 5:** Chất không có trong thành phần của dịch mạch rây là:  A. nước và muối khoáng.  B. chất hữu cơ và hormone.  C. ATP, Vitamin.  D. Vitamin, hormone. | A.Đúng.  Vì chất trong thành phần của dịch mạch rây là: chất hữu cơ và hormone, ATP, Vitamin.  B. Sai.  C. Sai.  D. Sai. |
| **Nhận biết** | **Câu 6:** Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thoát hơi nước và muối khoáng của cây:  A. ánh sáng, nhiệt độ, độ tơi xốp của đất, độ ẩm, hàm lượng khoáng, độ pH của đất.  B. nhiệt độ, độ tơi xốp của đất, độ ẩm, độ pH của đất.  C. ánh sáng, hàm lượng khoáng, độ pH của đất.  D. độ ẩm, hàm lượng khoáng, độ pH của đất. | A.Đúng.  Vì **c**ác yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thoát hơi nước và muối khoáng của cây: ánh sáng, nhiệt độ, độ tơi xốp của đất, độ ẩm, hàm lượng khoáng, độ pH của đất.  B. Sai. Chưa đủ các yếu tố ảnh hưởng.  C. Sai. Chưa đủ các yếu tố ảnh hưởng.  D. Sai. Chưa đủ các yếu tố ảnh hưởng. |
| **Nhận biết** | **Câu 7:** Quá trình thoát hơi nước ở lá cây chủ yếu diễn ra ở bộ phận nào?  A. Khí khổng.  B. Tế bào thịt lá.  C. Lục lạp.  D. Gân lá. | A.Đúng.  Vì Quá trình thoát hơi nước ở lá cây chủ yếu diễn ra ở khí khổng thông qua hoạt động đóng mở khí khổng.  B. Sai. Chứa bào quan tham gia quang hợp  C. Sai. Xảy ra quang hợp  D. Sai. Vận chuyển nước, muối khoáng |
| **Nhận biết** | **Câu 8:** Rễ cây hấp thụ tốt phần lớn các chất ở độ pH là:  A. 6 – 6,5. B. 7,5 – 8.  C. 5 – 5,5. D. 7 – 7,5. | A.Đúng.  Vì Đất có pH = 6 – 6,5 là phù hợp với việc hấp thụ phần lớn các chất khoáng. Đất quá axit hay quá kiềm đều không tốt cho việc hấp thụ các chất khoáng do các chất khoáng dễ bị rửa trôi hoặc gây ngộ độc cho cây.  B. Sai.  C. Sai.  D. Sai. |
| **Thông hiểu** | **Câu 1:** Cho các nhận định về vai trò của nước như sau:  1. Là thành phần cấu tạo chủ yếu của tế bào và cơ thể.  2. Là nguyên liệu để tổng hợp các chất hữu cơ trong quang hợp.  3. Là dung môi hòa tan nhiều chất.  4. Góp phần vận chuyển các chất và điều hòa thân nhiệt.  Số nhận định đúng là :   1. 4 2. 3 3. 2 4. 1 | A.Đúng.  Vì vai trò của nước như sau:  +Là thành phần cấu tạo chủ yếu của tế bào và cơ thể.  + Là nguyên liệu để tổng hợp các chất hữu cơ trong quang hợp.  +Là dung môi hòa tan nhiều chất.  +Góp phần vận chuyển các chất và điều hòa thân nhiệt.  B. Sai. HS chưa xác định được vai trò của nước.  C. Sai. HS chưa xác định được vai trò của nước.  D. Sai. HS chưa xác định được vai trò của nước. |
| **Thông hiểu** | **Câu 2:** Khi nói về quá trình vận chuyển các chất trong cây, phát biểu nào sau đây đúng?  A. mạch gỗ vận chuyển các chất từ rễ lên lá, mạch rây thì vận chuyển các chất từ lá xuống rễ.  B. vận chuyển trong mạch gỗ là chủ động và vận chuyển trong mạch rây là bị động.  C. dòng mạch gỗ luôn những chuyển chất vô cơ, dòng mạch rây luôn vận chuyển chất hữu cơ.  D. mạch gỗ vận chuyển đường glucose, mạch rây thì vận chuyển chất hữu cơ khác. | A.Đúng.  Vì mạch gỗ vận chuyển các chất từ rễ lên lá, mạch rây thì vận chuyển các chất từ lá xuống rễ.  B. Sai.  C. Sai.  D. Sai. |
| **Thông hiểu** | **Câu 3:** Chọn nội dung không phải là vai trò của thoát hơi nước đối với cây?  A. Tạo lực hút để vận chuyển nước và các chất từ rễ lên thân lá trong mạch rây.  B.Tạo lực hút để vận chuyển nước và các chất từ rễ lên thân lá trong mạch gỗ.  C. Giúp lá cây không bị đốt nóng dưới tác động của ánh sáng mặt trời.  D. Tạo điều kiện cho quá trình trao đổi khí ở thực vật | A.Đúng.  Vì vai trò của thoát hơi nước đối với cây:  +Tạo lực hút để vận chuyển nước và các chất từ rễ lên thân lá trong mạch gỗ.  + Giúp lá cây không bị đốt nóng dưới tác động của ánh sáng mặt trời.  + Tạo điều kiện cho quá trình trao đổi khí ở thực vật  B. Sai. Vai trò của thoát hơi nước  C. Sai. Vai trò của thoát hơi nước  D. Sai. Vai trò của thoát hơi nước |

| **CẤP ĐỘ** | **CÂU HỎI + ĐÁP ÁN** | **GIẢI THÍCH CÁC PHƯƠNG ÁN** |
| --- | --- | --- |
| **BÀI 30. Trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở động vật** | | |
| **Nhận biết**  **(11câu)** | **Câu 1.**[Cho các yếu tố sau:](https://khoahoc.vietjack.com/question/914734/cho-cac-yeu-to-sau-1-loai2-kich-thuoc-co-the3-do-tuoi4-thuc-an5-nhiet)  [1. Loài](https://khoahoc.vietjack.com/question/914734/cho-cac-yeu-to-sau-1-loai2-kich-thuoc-co-the3-do-tuoi4-thuc-an5-nhiet)  [2. Kích thước cơ thể](https://khoahoc.vietjack.com/question/914734/cho-cac-yeu-to-sau-1-loai2-kich-thuoc-co-the3-do-tuoi4-thuc-an5-nhiet)  [3. Độ tuổi](https://khoahoc.vietjack.com/question/914734/cho-cac-yeu-to-sau-1-loai2-kich-thuoc-co-the3-do-tuoi4-thuc-an5-nhiet)  [4. Thức ăn](https://khoahoc.vietjack.com/question/914734/cho-cac-yeu-to-sau-1-loai2-kich-thuoc-co-the3-do-tuoi4-thuc-an5-nhiet)  [5. Nhiệt độ của môi trường](https://khoahoc.vietjack.com/question/914734/cho-cac-yeu-to-sau-1-loai2-kich-thuoc-co-the3-do-tuoi4-thuc-an5-nhiet)  [Trong các yếu tố kể trên, yếu tố nào ảnh hưởng đến nhu cầu nước của cơ thể động vật và người.](https://khoahoc.vietjack.com/question/914734/cho-cac-yeu-to-sau-1-loai2-kich-thuoc-co-the3-do-tuoi4-thuc-an5-nhiet)  **A.** 1, 2, 3, 4, 5.  **B.** 1, 2, 4, 5.  **C.** 1, 3, 4, 5.  **D.** 1, 2, 3, 4. | Nhu cầu sử dụng nước ở động vật là khác nhau tuỳ theo loài, nhiệt độ môi trường, loại thức ăn, giới tính, cường độ hoạt động, tình trạng sức khoẻ, … |
| **Câu 2.** [Trung bình mỗi ngày một người trưởng thành cần khoảng bao nhiều nước?](https://khoahoc.vietjack.com/question/914736/trung-binh-moi-ngay-mot-nguoi-nang-50-kg-can-khoang-bao-nhieu-nuoc)  **A.** 2 lít.  **B.** 2.5 lít.  **C.** 3,5 lít.  **D.** 1 lít. | Trung bình mỗi ngày, một người trưởng thành cần khoảng 2 lít nước. |
| **Câu 3.** Nhu cầu nước của voi trưởng thành mỗi ngày khoảng bao nhiêu lít nước?  **A.** 300 lít.  **B.** 100 lít.  **C.** 200 lít.  **D.** 400 lít. | Trung bình mỗi ngày, một con voi trưởng thành cần khoảng 300 lít nước. |
| **Câu 4.** [Cơ thể chúng ta thông thường bổ sung nước bằng cách](https://khoahoc.vietjack.com/question/914737/co-the-chung-ta-thong-thuong-bo-sung-nuoc-bang-cach)  **A.** qua thức ăn và đồ uống.  **B.** qua tiêu hóa và hô hấp.  **C.** qua sữa và trái cây.  **D.** qua thức ăn và sữa. | Cơ thể chúng ta thông thường bổ sung nước bằng cách qua thức ăn và đồ uống. |
| **Câu 5.** Con đường vận chuyển các chất trong ống tiêu hóa của người có trình tự như thế nào?  **A.** Miệng → thực quản → dạ dày → ruột non → ruột già → trực tràng → hậu môn.  **B.** Miệng → thực quản → dạ dày → ruột non → trực tràng → ruột già → hậu môn.  **C.** Miệng → dạ dày → thực quản → ruột non → ruột già → trực tràng → hậu môn.  **D.** Miệng → thực quản → ruột non → dạ dày → ruột già → trực tràng → hậu môn. | Ống tiêu hóa của người bao gồm các bào quan có trình tự như sau: Miệng → thực quản → dạ dày → ruột non → ruột già → trực tràng → hậu môn. |
| **Câu 6.** Nước trong cơ thể con người có thể bị mất đi qua những con đường nào?  **A.** Hô hấp, qua da, toát mồ hôi, bài tiết nước tiểu và phân  **B**. Hô hấp  **C.** Qua da  **D.** Bài tiết nước tiểu và phân | Nước trong cơ thể con người có thể bi mất đi qua những con đường như: hô hấp. qua da, toát mồ hôi, bài tiết nước tiểu và phân. |
| **Câu 7.** Cơ quan nào trong ống tiêu hoá ở người là nơi thu nhận và nghiền nhỏ thức ăn?  **A.** Miệng  **B.** Dạ dày  **C.** Ruột non  **D.** Ruột già | Miệng Thu nhận và nghiền nhỏ thức ăn sau đó đẩy thức ăn xuống thực quản. |
| **Câu 8.** Nơi phình to nhất của ống tiêu hoá ở người là  **A.** dạ dày  **B.** ruột non  **C.** trực tràng  **D.** hậu môn | Dạ dày là đoạn phình to nhất của ống tiêu hoá, là nơi diễn ra tiêu hoá một phần thức ăn nhờ sự co bóp dạ dày và enzim tiêu hoá |
| **Câu 9.** Nước được cung cấp cho cơ thể người từ những con đường nào?  **A.** Thức ăn và nước uống  **B.** Thức ăn  **C.** Nước uống  **D.** Không khí | Nước được cung cấp cho cơ thể người từ thức ăn và nước uống |
| **Câu 10.** Nước trong cơ thể người có thể bị mất đi qua những con đường nào?  **A.** Hơi thở, qua da, bài tiết nước tiểu và phân  **B.** Hơi thở  **C.** Qua da  **D.** Qua bài tiết nước tiểu | Nước trong cơ thể người có thể bị mất đi qua những con đường :Hơi thở, qua da, bài tiết nước tiểu và phân |
| **Câu 11.** Cơ quan nào trong ống tiêu hoá thực hiện nhiệm vụ hấp thụ các chất dinh dưỡng vào máu?  **A.** Ruột non  **B.** Ruột già  **C.** Dạ dày  **D.** Trực tràng | Ruột non tiêu hoá hoàn toàn thức ăn và hấp thụ các chất dinh dưỡng vào máu |
| **Thông hiểu**  **(11 câu)** | **Câu 12.** Con đường trao đổi nước ở động vật và người bao gồm mấy giai đoạn?  **A.** 3.  **B.** 2.  **C.** 1.  **D.** 4. | Con đường trao đổi nước ở độngvật và người gồm 3 giai đoạn đó là lấy vào, sử dụng và thải ra. |
| **Câu 13.** Nhu cầu dinh dưỡng ở động vật là  **A.** lượng thức ăn mà động vật cần thu nhận hằng ngày để xây dựng cơ thể và duy trì sự sống.  **B.** lượng thức ăn và nước uống mà động vật cần thu nhận hằng ngày để xây dựng cơ thể và duy trì sự sống.  **C.** lượng thức ăn và nước uống mà động vật cần thu nhận hằng ngày để duy trì sự sống.  **D.** lượng thức ăn và nước uống mà động vật cần thu nhận hằng ngày để xây dựng cơ thể. | Nhu cầu dinh dưỡng là lượng thức ăn mà động vật cần thu nhận hàng ngày để xây dựng cơ thể và duy trì sự sống. |
| **Câu 14.** Động vật dinh dưỡng chủ yếu bằng hình thức  **A.** dị dưỡng.  **B.** tự dưỡng.  **C.** hóa dưỡng.  **D.** hoại dưỡng. | Động vật dinh dưỡng bằng hình thức dị dưỡng. Động vật không có khả năng tự tổng hợp chất dinh dưỡng mà phải thu nhận thông qua thức ăn. |
| **Câu 15.** Con đường thu nhận và tiêu hoá thức ăn trong ống tiêu hoá ở người diễn ra qua các giai đoạn:  **A.** Thu nhận, biến đổi thức ăn; hấp thụ các chất dinh dưỡng và thải các chất cặn bã  **B.** Thu nhận và hấp thụ  **C.** Thu nhận và tiêu hoá  **D.** Thu nhận và thải các chất cặn bã | Con đường thu nhận và tiêu hoá thức ăn trong ống tiêu hoá ở người diễn ra gồm các giai đoạn chính: thu nhận, biến đổi thức ăn; hấp thụ các chất dinh dưỡng và thải các chất cặn bã. |
| **Câu 16.** Hệ tuần hoàn nhận những chất nào từ hệ hô hấp?  **A.** Oxygen và carbon dioxide  **B.** Các chất dinh dưỡng  **C.** Oxygen  **D.** Carbon dioxide | Hệ tuần hoàn nhận oxygen và carbon dioxide từ hệ hô hấp. |
| **Câu 17.** Các chất dinh dưỡng được vận chuyển đến đâu trong cơ thể ?  **A.** Các tế bào  **B.** Dạ dày  **C.** Ruột non  **D.** Ruột già. | Các chất dinh dưỡng được vận chuyển đến các tế bào trong cơ thể. |
| **Câu 18.** Các chất khí thải được vận chuyển đến đâu trong cơ thể để đưa ra bên ngoài?  **A.** Phổi  **B.** Tim  **C.** Hậu môn  **D.** Da | Các chất khí thải được vận chuyển đến phổi để đưa ra bên ngoài cơ thể |
| **Câu 19.** Con đường thu nhận và tiêu hoá thức ăn trong ống tiêu hoá ở người diễn ra qua mấy giai đoạn chính?  **A.** 4.  **B.** 3.  **C.** 2.  **D.** 1. | Con đường thu nhận và tiêu hoá thức ăn trong ống tiêu hoá ở người diễn ra qua 4 giai đoạn chính: thu nhận, biến đổi thức ăn, hấp thụ các chất dinh dưỡng và thải các chất cặn bã |
| **Câu 20.** Hệ tuần hoàn nhận những chất nào từ hệ tiêu hoá?  **A.** Các chất dinh dưỡng  **B.** Oxygen và carbon dioxide  **C.** Oxygen  **D.** Carbon dioxide | Hệ tuần hoàn nhận chất dinh dưỡng từ hệ tiêu hoá |
| **Câu 21.** Các chất khí thải được vận chuyển đến đâu trong cơ thể để đưa ra bên ngoài?  A.Phổi  B. Tim  C. Hậu môn  D. Da | Các chất khí thải được vận chuyển đến phổi để đưa ra bên ngoài cơ thể |
| **Câu 22**. Hoạt động hấp thụ các chất dinh dưỡng được thực hiện thông qua hoạt động của cơ quan nào trong hệ cơ quan nào?  **A.** Hoạt động của ruột non thuộc hệ tiêu hoá  **B.** Hoạt động của ruột non thuộc hệ tuần hoàn  **C.** Hoạt động của dạ dày thuộc hệ tiêu hoá  D. Hoạt động của khoang miệng thuộc hệ tiêu hoá | Hoạt động hấp thụ các chất dinh dưỡng được thực hiện thông qua hoạt động của ruột non trong hệ tiêu hoá |
| **Vận dụng**  **(7 câu)** | **Câu 23.** Nguyên sinh vật (trùng roi, trùng giày,…) chưa có hệ vận chuyển, các chất trao đổi trực tiếp với môi trường qua  **A.** thành cơ thể.  **B.** hệ tuần hoàn.  **C.** hệ hô hấp.  **D.** hệ bài tiết. | Nguyên sinh vật (trùng roi, trùng giày,…) chưa có hệ vận chuyển, các chất trao đổi trực tiếp với môi trường qua thành cơ thể. |
| **[Câu 24](https://khoahoc.vietjack.com/question/914735/trong-truong-hop-nao-sau-day-con-nguoi-can-phai-truyen-nuoc)**[. Trong trường hợp nào sau đây con người cần phải truyền nước?](https://khoahoc.vietjack.com/question/914735/trong-truong-hop-nao-sau-day-con-nguoi-can-phai-truyen-nuoc)  **A.** Khi bị sốt cao hoặc bị tiêu chảy.  **B.** Khi bị sốt cao hoặc đau dạ dày.  **C.** Khi bị sốt cao hoặc làm việc mệt nhọc.  **D.** Khi bị tiêu chảy hoặc làm việc mệt nhọc. | Khi bị sốt cao hoặc bị tiêu chảy, cơ thể người sẽ bị mất lượng nước lớn trong thời gian ngắn do vậy cần bổ sung lượng nước mất bằng cách truyền nước. |
| **Câu 25.** Nên uống nước ở những thời điểm nào là hợp lí?  **A.** Lúc khát, sau khi tập thể dục  **B.** Tuỳ ý  **C.** Sau khi tắm  **D.** Đang trong giờ học | - Nên uống nước vào lúc khát, sau khi vận động, hay đi ngoài trời nóng mất nước.  Đang trong giờ học không nên uống vì ảnh hưởng đến hoạt động dạy và học của lớp. |
| **Câu 26.** Vì sao chúng ta cần uống nhiều nước hơn khi trời nóng hoặc khi vận động mạnh?  **A.**Vì khi đó lượng nước thoát ra môi trường nhiều qua hoạt động toát mồ hôi. Do vậy, con người cần uống nhiều nước để cân bằng lượng nước đã mất đi.  **B.**Vì khi đó cơ thể nóng lên rất nhiều. Do đó, cần uống nhiều nước để làm mát cơ thể.  **C.**Vì khi đó cơ thể nóng lên và cần nhiều năng lượng. Do đó, cần uống nhiều nước để chống mệt mỏi, hạn chế tối đa hiện tượng toát mồ hôi.  **D.**Vì khi đó cơ thể cần nhiều chất dinh dưỡng. Do đó, cần uống nhiều nước để tăng cường quá trình thu nhận và chuyển hóa chất dinh dưỡng trong cơ thể. | Vì khi đó lượng nước thoát ra môi trường nhiều qua hoạt động toát mồ hôi. Do vậy con người cần uống nhiều nước để cân bằng lượng nước đã mất đi. |
| **Câu 27** .Thứ tự tăng dần về nhu cầu nước của các loài động vật  **A.** Voi, trâu, lợn, dê, thằn lằn.  **B.** Trâu, voi, lợn, dê, thằn lằn.  **C.** Lợn, voi, trâu, dê, thằn lằn.  **D.** Dê, trâu, lợn, thằn lằn, voi | Nhu cầu nước của sinh vật phụ thuộc vào loài, kích thước cơ thể, … voi có nhu cầu cao nhất khoảng 300l/ngày, kế đó là trâu khoảng 30l/ngày, trong khi dê chỉ 4 – 5 l/ngày. |
| **Câu 28.** Vì sao mỗi người cần phải có chế độ dinh dưỡng phù hợp?  **A.**  Vì nhu cầu dinh dưỡng của mỗi người là khác nhau tuỳ thuộc vào độ tuổi, giới tính, trạng thái sinh lí, …  **B.** Vì mỗi người có mức sống khác nhau  **C.** Vì thói quen ăn uống của mỗi người  **D.** Do văn hoá vùng miền nên chế độ dinh dưỡng cũng không giống nhau. | Nhu cầu dinh dưỡng của mỗi người là khác nhau, tuỳ thuộc vào độ tuổi, giới tính, trạng thái sinh lí, … |
| **Câu 29:** Trong các biện pháp dưới đây đâu là biện pháp bảo vệ hệ tuần hoàn?  **A.** Không ăn quá nhiều thức ăn có chứa mỡ động vật.  **B.** Không làm việc hay vận động mạnh sau khi ăn  **C.** Ăn đúng giờ, đúng bữa  **D.** Không ăn vội vàng, nhai kĩ khi ăn | Thức ăn có chứa mỡ động vật là một trong những nguyên nhân gây ra các hiện tượng sơ vỡ động mạch gây tổn hại đến hệ tuần hoàn. |

| **CẤP ĐỘ** | **CÂU HỎI + ĐÁP ÁN** | **GIẢI THÍCH CÁC PHƯƠNG ÁN** |
| --- | --- | --- |
| **BÀI 31: THỰC HÀNH CHỨNG MINH THÂN VẬN CHUYỂN NƯỚC VÀ LÁ THOÁT HƠI NƯỚC** | | |
| **Nhận biết**  **(3 câu)** | **Câu 1.** Tại sao chúng ta nên chọn hoa màu trắng để làm thí nghiệm chứng minh thân vận chuyển nước?  **A.** Dễ quan sát hiện tượng xảy ra  **B.** Hoa màu trắng dễ kiếm  **C.** Chỉ hoa màu trắng mới làm được thí nghiệm  **D.** Hoa màu trắng làm thí nghiệm dễ hơn. | Với thí nghiệm chứng minh thân vận chuyển nước nên chọn hoa màu trắng để dễ quan sát hiện tượng. |
| **Câu 2.** Trong thí nghiệm chứng minh thân vận chuyển nước tại sao nên cắt bới cành hoa?  **A.** Thời gian làm thí nghiệm nhanh hơn  B. Cho kết quả thí nghiệm chính xác hơn  C. Dễ quan sát hơn  D. Mẫu vật nhìn sẽ gọn gàng hơn | Trong thí nghiệm chứng minh thân vận chuyển nước nên cắt bớt cành hoa để quan sát kết quả nhanh hơn. |
| **Câu 3.** Trong thí nghiệm chứng minh thân vận chuyển nước; khi quan sát màu sắc cánh hoa thấy xuất hiện hiện tượng gì?  **A.** Xuất hiện những vệt màu giống với màu cốc nước màu  B. Không có sự thay đổi về màu sắc  C. Xuất hiện những vệt màu khác với màu cốc nước màu  D. Có cánh hoa xuất hiện những vệt màu giống với màu cốc nước, có cánh lại không có sự thay đổi màu sắc. | Trong thí nghiệm chứng minh thân vận chuyển nước; khi quan sát màu sắc cánh hoa thấy xuất hiện những vệt màu giống với màu cốc nước màu. |
| **Thông hiểu**  **(3 câu)** | **Câu 4.** Trong thí ngiệm chứng minh thân vận chuyển nước; vị trí của dung dịch màu trên lát cắt ngang cành hoa là ở đâu?  **A.** Ở phần mạch dẫn của thân  **B.** Ở phần lõi của thân  **C.** Ở phần vỏ của thân  **D.** Ở toàn bộ lát cắt ngang của thân | Trong thí ngiệm chứng minh thân vận chuyển nước; vị trí của dung dịch màu trên lát cắt ngang cành hoa là ở phần mạch dẫn của thân |
| **Câu 5.** Trong thí nghiệm chứng minh lá thoát hơi nước; dựa vào dấu hiệu nào để xác định lá có sự thoát hơi nước?  **A.** Sự đổi màu giấy thấm từ xanh da trời thành màu hồng  **B.** Sự đổi màu giấy thấm từ màu hồng thành màu xanh  **C.** Sự đổi màu giấy thấm từ màu xanh da trời thành màu đỏ  **D.** Sự đổi màu giấy thấm từ màu đỏ thành màu vàng cam. | Trong thí nghiệm chứng minh lá thoát hơi nước; dựa vào dấu hiệu sự đổi màu giấy thấm từ màu xanh da trời thành màu hồng để xác định lá có sự thoát hơi nước. |
| **Câu 6.**  Trong thí nghiệm chứng minh lá thoát hơi nước; sự thay đổi màu sắc của giấy tẩm CoCl2 ở mặt trên và mặt dưới lá như thế nào?  **A.** Mặt dưới của lá có tốc độ chuyển màu nhanh hơn mặt trên  **B.** Mặt trên của lá có tốc độ chuyển màu nhanh hơn mặt dưới  C. Mặt trên có sự thay đổi màu, mặt dưới của lá thì không có sự thay đổi  D. Mặt dưới của lá có sự thay đổi màu mặt trên thì không có sự thay đổi | Trong thí nghiệm chứng minh lá thoát hơi nước; khí khổng tập trung chủ yếu ở mặt dưới của lá nên hơi nước thoát ra ở mặt dưới của lá nhiều hơn dẫn đến giấy tẩm CoCl2 ở mặt dưới của lá sẽ có tốc độ chuyển màu nhanh hơn. |
| **Vận dụng**  **(1 câu)** | **Câu 7.** Tại sao những cây sống ở hoang mạc thường có đặc điểm lá biến đổi thành gai?  **A.** Giảm sự thoát hơi nước qua lá  **B.** Giảm tiết diện tiếp xúc với môi trường  **C.** Ngăn cản sự tấn công của các loài động vật ăn lá.  **D.** Phù hợp với môi trường xung quanh | Những nơi có điều kiện sống khắc nghiệt như hoang mạc thường rất hiếm có mưa. Nên những loài cây muốn thích nghi với môi trường sống cần có sự thay đổi hình thái cấu tạo như lá biến đổi thành gai để giảm sự thoát hơi nước |

| **CẤP ĐỘ** | **CÂU HỎI + ĐÁP ÁN** | **GIẢI THÍCH CÁC PHƯƠNG ÁN** |
| --- | --- | --- |
| **BÀI 32: CẢM ỨNG Ở SINH VẬT** | | |
| **Nhận biết**  **(8 câu)** | **Câu 1.** Cảm ứng ở sinh vật là  **A.** khả năng cơ thể sinh vật tiếp nhận và phản ứng thích hợp với các kích thích từ môi trường, đảm bảo cho sinh vật tồn tại và phát triển.  **B.** khả năng cơ thể sinh vật phản ứng thích hợp với các kích thích từ môi trường, đảm bảo cho sinh vật tồn tại và phát triển.  **C.** khả năng cơ thể sinh vật tiếp nhận với các kích thích từ môi trường, đảm bảo cho sinh vật tồn tại và phát triển.  **D.** khả năng cơ thể sinh vật tiếp nhận và biến đổi thích hợp với các kích thích từ môi trường, đảm bảo cho sinh vật tồn tại và phát triển. | Cảm ứng ở sinh vật là khả năng cơ thể sinh vật tiếp nhận và phản ứng thích hợp với các kích thích từ môi trường, đảm bảo cho sinh vật tồn tại và phát triển. |
| **Câu 2.** Khi đặt chậu cây bên trong cửa sổ, sau một thời gian thấy ngọn cây vươn ra phía ngoài cửa sổ. Đây là ví dụ mô tả quá trình nào của thực vật?  **A.** Cảm ứng.  **B.** Hô hấp.  **C.** Thoát hơi nước.  **D.** Quang hợp. | Khi đặt chậu cây bên trong cửa sổ, sau một thời gian thấy ngọn cây vươn ra phía ngoài cửa số. Đây là ví dụ mô tả quá trình cảm ứng của thực vật (tính hướng sáng của thực vật). |
| **Câu 3.** Khi chạm tay vào cây trinh nữ, lá của cây lại cụp xuống. Hiện tượng này là  **A.** sự cảm ứng của cây.  **B.** sự phát triển của cây.  **C.** sự sinh trưởng của cây.  **D.** sự sinh sản của cây. | Hiện tượng lá cây trinh nữ cụp lại khi có tay ta chạm vào là phản ứng của cây (lá cụp lại) trước tác nhân kích thích của môi trường (sự va chạm cơ học). Như vậy, đây chính là hiện tượng cảm ứng của cây. |
| **Câu 4.** Hiện tượng rễ cây hướng dương hướng về phía có nguồn nước. Đây là ví dụ mô tả quá trình nào của thực vật?  **A.** Cảm ứng.  **B.** Hô hấp.  **C.** Thoát hơi nước.  **D.** Quang hợp. | Hiện tượng rễ cây hướng dương hướng về phía có nguồn nước là ví dụ mô tả quá trình cảm ứng của thực vật (tính hướng nước của thực vật). |
| **Câu 5.** Phát biểu nào sau đây đúng khi nói về đặc điểm cảm ứng ở thực vật?  A. Xảy ra chậm, khó nhận thấy  B. Xảy ra nhanh, dễ nhận thấy  C. Xảy ra chậm, dễ nhận thấy  D. Xảy ra nhanh, khó nhận thấy | Ở thực vật, cảm ứng là khả năng tiếp nhận và phản ứng lại các kích thích từ môi trường của cơ thể thông qua vận động của các cơ quan và thường diễn ra chậm và khó nhận thấy. |
| **Câu 6.** Hiện tượng bắt mồi ở cây gọng vó: khi có côn trùng tiếp xúc, các lông tuyến của cây gọng vó phản ứng lại bằng cách uốn cong, giữ chặt và tiêu hoá con mồi. Đây là hiện tượng cảm ứng nào?  **A.** Cảm ứng tiếp xúc  **B.** Cảm ứng con mồi  **C.** Cảm ứng hướng hoá  **D.** Cảm ứng hướng nhiệt | Hiện tượng bắt mồi ở cây gọng vó: khi có côn trùng tiếp xúc, các lông tuyến của cây gọng vó phản ứng lại bằng cách uốn cong, giữ chặt và tiêu hoá con mồi. Đây là hiện tượng cảm ứng tiếp xúc. |
| **Câu 7.** Trong rừng nhiệt đới, chúng ta có thể gặp nhiều cây dây leo quấn quanh những cây gỗ lớn và vươn lên cao. Đây là kết quả của  **A.** hướng tiếp xúc.  **B.** hướng sáng.  **C.** hướng hóa.  **D.** hướng nước. | Vào rừng nhiệt đới, chúng ta có thể gặp nhiều cây dây leo quấn quanh những cây gỗ lớn và vươn lên cao. Đây là kết quả của hướng tiếp xúc: cây dây leo coi cây gỗ lớn là giá thể để leo lên cao. |
| **Câu 8.** Cây mướp có xu hướng bám vào các giá thể để vươn lên cao. Đây là hiện tượng cảm ứng nào?  **A.** Hướng tiếp xúc  **B.** Hướng hoá  **C.** Hướng nước  **D.** Hướng sáng | Cây mướp có xu hướng bám vào các giá thể để vươn lên cao. Đây là hiện tượng cảm ứng hướng tiếp xúc. |
| **Thông hiểu**  **(6 câu)** | **Câu 9.** “Khi chạm tay vào cốc nước nóng thì tay ta rụt lại”. Hãy cho biết kích thích từ môi trường trong ví dụ này là gì và phản ứng của cơ là gì để trả lời kích thích?  **A.** Khi đó kích thích từ môi trường là nhiệt độ và phản ứng trả lời là rụt tay lại.  **B.** Khi đó kích thích từ môi trường là cốc nước và phản ứng trả lời là rụt tay lại.  **C.** Khi đó kích thích từ môi trường là cốc nước và phản ứng trả lời là cảm giác nóng.  **D.** Khi đó kích thích từ môi trường là nhiệt độ và phản ứng trả lời là cảm giác nóng. | Trong ví dụ khi chạm tay vào cốc nước nóng thì tay ta rụt lại thì kích thích từ môi trường là nhiệt độ và phản ứng trả lời là rụt tay lại. Phản ứng này giúp bảo vệ cơ thể trước tác nhân nhiệt độ cực đoan. |
| **Câu 10.** Đối với những loài cây ưa ánh sáng mạnh cần trồng như thế nào?  **A.** Trồng ở những nơi quang đãng và mật độ thưa.  **B.** Trồng ở những nơi quang đãng và mật độ dày  **C.** Trồng ở dưới những tán cây khác và mật độ dày  **D.** Trồng ở dưới những tán cây khác và mật độ thưa. | Đối với những loại cây ưa ánh sáng mạnh cần trồng ở những nơi quang đãng và mật độ thưa. Việc này đảm bảo cho cây trồng có đủ nguồn ánh sáng để sinh trưởng và phát triển. |
| Câu 11. Một số hình thức cảm ứng ở thực vật bao gồm  **A.** hướng nước, hướng ánh sáng, hướng tiếp xúc, hướng hóa.  **B.** hướng nước, hướng nhiệt, hướng tiếp xúc và hướng hóa.  **C.** hướng nước, hướng nhiệt, hướng tiếp xúc và hướng dinh dưỡng.  **D.** hướng nước, hướng ánh sáng, hướng tiếp xúc và hướng dinh dưỡng. | Một số hình thức cảm ứng ở thực vật bao gồm hướng nước, hướng ánh sáng, hướng tiếp xúc, hướng hóa. |
| **Câu 12.** Cho các nhận định sau:  1. Cảm ứng giúp sinh vật tồn tại, phát triển thích nghi với sự thay đổi của môi trường trong một thời gian nhất định.  2. Cảm ứng của thực vật thường diễn ra nhanh, biểu hiện bằng sự thay đổi hình thái hoặc sự vận động các cơ quan.  3. Cảm ứng của thực vật chỉ gồm 3 hình thức là hướng sáng, hướng nước, hướng tiếp xúc.  4. Cảm ứng ở động vật thường diễn ra với tốc độ nhanh hơn và dễ nhận thấy.  Số nhận định đúng là  **A.** 2.  **B.** 3.  **C.** 4.  **D.** 1. | Nhận định đúng là 1 và 4.  Nhận định 2 sai vì cảm ứng của thực vật thường diễn ra chậm, biểu hiện bằng sự thay đổi hình thái hoặc sự vận động các cơ quan.  Nhận định 3 sai vì cảm ứng của thực vật không chỉ gồm 3 hình thức mà có nhiều hình thức khác nữa như hướng hóa, hướng đất, hướng trọng lực,… |
| **Câu 13.** Đối với những loài cây ưa ẩm cần trồng như thế nào?  **A.** Trồng ở những nơi có độ ẩm cao  **B.** Trồng ở những nơi khô ráo  **C.** Trồng ở dưới những tán cây khác và mật độ dày  **D.** Trồng ở dưới những tán cây khác và mật độ thưa. | Đối với những loại cây ưa ẩm cần trồng ở những nơi có độ ẩm cao. Việc này đảm bảo cho cây trồng có đủ nguồn nước để cây sinh trưởng và phát triển. |
| **Câu 14.** Khi trồng thanh long để làm tăng năng suất người ta thường áp dụng biện pháp kĩ thuật phổ biến nào?  **A.** Thắp đèn vào ban đêm  **B.** Trồng xen với cây trồng khác  **C.** Phun xịt thuốc bảo vệ thực vật nhiều  **D.** Sử dụng nhiều phân bón hoá học | Thanh long là loài cây ưa sáng, chúng phát triển tốt khi có cường độ ánh sáng mạnh vì vậy người ta đã thắp sáng ánh đèn vào ban đêm để làm tăng năng xuất. |
| **Vận dụng**  **(6 câu)** | **Câu 15.** Tại sao lại cần vun gốc cho cây khoai tây?  **A.** Vì dựa trên cơ sở tính hướng đất và tránh ánh sáng của rễ.  **B.** Vì dựa trên cơ sở tính hướng đất và hướng ánh sáng của rễ.  **C.** Vì dựa trên cơ sở tránh đất và hướng ánh sáng của rễ.  **D.** Vì dựa trên cơ sở tránh đất và tránh ánh sáng của rễ. | Vì dựa trên cơ sở tính hướng đất và tránh ánh sáng của rễ. giúp cây khoai tây ra nhiều củ hơn và năng suất cao hơn. |
| **Câu 16.** Khi trồng mướp người ta thường làm dàn. Đây là ứng dụng dựa trên đặc điểm hình thức cảm ứng nào của cây?  **A.**Tính hướng tiếp xúc.  **B.**Tính hướng sáng.  **C.**Tính hướng đất.  **D.**Tính hướng nước. | Ứng dụng làm giàn cho những cây thân leo phát triển là ứng dụng dựa trên đặc điểm hình thức cảm ứng là hướng tiếp xúc của cây. |
| **Câu 17.** Do tính hướng hóa của thực vật, một số cây cần bón phân sát mặt đất gồm  **A.** cây lúa, cây ngô, cây dừa.  **B.** cây lúa, cây cam, cây chanh.  **C.** cây lúa, cây ngô, cây chanh.  **D.** cây lúa, cây dừa, cây cam. | Do tính hướng hóa của thực vật mà một số loài cây cần bón phân sát mặt đất. Đó là cây lúa, cây ngô, cây dừa. Đây là những loài cây có đặc điểm rễ chùm, “ăn” nông. |
| **Câu 18.** Do tính hướng hóa của thực vật, một số cây cần bón phân bằng cách đào hố sâu dưới đất gồm  **A.**cây bưởi, cây cam, cây chanh.  **B.** cây bưởi, cây lúa, cây ngô.  **C.** cây lúa, cây ngô, cây dừa.  **D.** cây tre, cây bưởi, cây cam. | Do tính hướng hóa của thực vật mà một số loài cây cần bón phân bằng cách đào hố ở sâu dưới đất. Đó là cây bưởi, cây cam, cây chanh. Đây là những cây có hệ rễ “ăn” sâu. |
| **Câu 19.** Trước khi trồng khoai lang người ta phải lên luống cao. Vì sao?  **A.** Vì dựa trên cơ sở tính hướng đất và tránh ánh sáng của rễ.  **B.** Vì dựa trên cơ sở tính hướng đất và hướng ánh sáng của rễ.  **C.** Vì dựa trên cơ sở tránh đất và hướng ánh sáng của rễ.  **D.** Vì dựa trên cơ sở tránh đất và tránh ánh sáng của rễ. | Vì dựa trên cơ sở tính hướng đất và tránh ánh sáng của rễ. giúp cây khoai lang ra nhiều củ hơn và năng suất cao hơn. |
| **Câu 20.** Trong sản xuất nông nghiệp người ta thường trồng xen cây đỗ tương với cây ngô (bắp) là vì?  **A.** Tận dụng triệt để nguồn sáng trên một đơn vị diện tích đất  **B.** Làm tăng năng suất cây trồng  **C.** Thói quen canh tác  **D.** Trồng ngẫu nhiên. | Trong sản xuất nông nghiệp người ta thường trồng xen cây ưa sáng với loại cây ưu bóng để tận dụng nguồn sáng (diện tích) làm tăng sản lượng trên một đơn vị diện tích. |

| **CẤP ĐỘ** | **CÂU HỎI + ĐÁP ÁN** | **GIẢI THÍCH CÁC PHƯƠNG ÁN** |
| --- | --- | --- |
| **BÀI 33: TẬP TÍNH Ở ĐỘNG VẬT** | | |
| **Nhận biết**  **(8 câu)** | **Câu 1.** Cảm ứng của động vật là  **A.** khả năng cơ thể động vật tiếp nhận và phản ứng thích hợp với các kích thích từ môi trường, đảm bảo cho sinh vật tồn tại và phát triển.  **B.** khả năng cơ thể động vật tiếp nhận với các kích thích từ môi trường, đảm bảo cho sinh vật tồn tại và phát triển.  **C.** khả năng cơ thể động sinh vật tiếp nhận và biến đổi thích hợp với các kích thích từ môi trường, đảm bảo cho sinh vật tồn tại và phát triển.  **D.** khả năng cơ thể động vật phản ứng thích hợp với các kích thích từ môi trường, đảm bảo cho sinh vật tồn tại và phát triển. | Cảm ứng của động vật làkhả năng cơ thể động vật tiếp nhận và phản ứng thích hợp với các kích thích từ môi trường, đảm bảo cho sinh vật tồn tại và phát triển. |
| **Câu 2.** Tập tính là  **A.** chuỗi phản ứng của động vật nhằm trả lời kích thích của môi trường.  **B.** chuỗi phản ứng của động vật nhằm biến đổi kích thích của môi trường.  **C.** chuỗi phản ứng của động vật nhằm phát tán kích thích của môi trường.  **D.** chuỗi phản ứng của động vật nhằm điều tiết kích thích của môi trường. | Tập tính là chuỗi phản ứng của động vật nhằm trả lời kích thích của môi trường |
| **Câu 3.** Vai trò của tập tính đối với động vật là  **A.** tập tính có vai trò quan trọng trong đời sống của động vật vì liên quan mật thiết đến sự tồn tại và phát triển nòi giống, đảm bảo cho động vật thích nghi với môi trường sống.  **B.** tập tính có vai trò quan trọng trong đời sống của động vật vì liên quan mật thiết đến phát triển nòi giống, đảm bảo cho động vật thích nghi với môi trường sống.  **C.** tập tính có vai trò quan trọng trong đời sống của động vật vì liên quan mật thiết đến sự tồn tại và phát triển nòi giống, đảm bảo cho động vật biến đổi được môi trường sống phù với với bản thân.  **D.** tập tính có vai trò quan trọng trong đời sống của động vật vì liên quan mật thiết đến sự tồn tại, đảm bảo cho động vật thích nghi với môi trường sống. | Tập tính có vai trò quan trọng trong đời sống của động vật vì liên quan mật thiết đến sự tồn tại và phát triển nòi giống, đảm bảo cho động vật thích nghi với môi trường sống. |
| **Câu 4.** Tập tính ở động vật bao gồm  **A.** tập tính bẩm sinh và tập tính học được.  **B.** tập tính bẩm sinh và tập tính rèn luyện.  **C.** tập tính sẵn có và tập tính học được.  **D.** tập tính sẵn có và tập tính rèn luyện. | Có 2 loại tập tính, đó là tập tính bẩm sinh và tập tính học được |
| **Câu 5.** [Trong các ví dụ dưới đây, ví dụ nào là tập tính học được?](https://vietjack.online/cau-hoi/914813/trong-cac-vi-du-duoi-day-vi-du-nao-khong-phai-la-tap-tinh-bam-sinh-huo)  **A.** Chuột chạy trốn khi nghe thấy tiếng mèo.  **B.** Ong, kiến sống thành bầy đàn.  **C.** Nhện giăng tơ.  **D.** Chim, cá di cư. | Chuột chạy trốn khi nghe thấy tiếng mèo là tập tính học được  Ong, kiến sống thành bầy đàn; nhện giăng tơ; chim, cá di cư đều là tập tính bẩm sinh của sinh vật |
| **Câu 6.** Trong các ví dụ dưới đây ví dụ nào là tập tính bẩm sinh  **A.** Nhện chăng tơ  **B.** Tinh tinh dùng gậy bắt cá  **C.** Chim non học bay  **D.** Bò về chuống khi nghe tiếng chuông | Nhện chăng tơ là tập tính bẩn sinh không cần phải học tập.  Tinh tinh biết dùng gậy để bắt cá phải trải qua quá trình luyện tập  Chim non phải tập bay để thích ứng với cuộc sống mới  Bò về chuồng khi nghe tiếng chuông là kết quả của quá trình huấn luyện. |
| Câu 7. Tập tính học được là  **A.** các tập tính được hình thành trong quá trình sống của cá thể, thông qua học tập và rút kinh nghiệm.  **B.** các tập tính được hình thành trong quá trình sống của cá thể, đặc trưng cho loài.  **C.** các tập tính sinh ra đã có nhưng mang tính cá thể, không đặc trưng cho loài.  **D.** các tập tính của động vật sinh ra đã có, được di truyền từ bố mẹ, đặc trưng cho loài. | Tập tính học được là các tập tính được hình thành trong quá trình sống của cá thể, thông qua học tập và rút kinh nghiệm. |
| **Câu 8.** Tập tính bẩm sinh là  **A.** các tập tính bẩm sinh ra đã có, được di truyền từ bố mẹ, đặc trưng cho loài.  **B.** các tập tính được hình thành trong quá trình sống của cá thể, đặc trưng cho loài.  **C.** các tập tính được hình thành trong quá trình sống của cá thể, thông qua học tập và rút kinh nghiệm.  **D.** các tập tính sinh ra đã có nhưng mang tính cá thể, không đặc trưng cho loài. | Tập tính bẩm sinh là các tập tính sinh ra đã có, được di truyền từ bố mẹ, đặc trưng cho loài. |
| **Thông hiểu**  **(6 câu)** | **Câu 9.** Cho các nhận định sau:  1. Tập tính của động vật rất đa dạng và phức tạp.  2. Tập tính giúp sinh vật thích nghi với môi trường sống.  3. Kiếm ăn là một tập tính có ở hầu hết các loài động vật.  4. Tập tính có 3 dạng là tập tính bẩm sinh, tập tính không bẩm sinh và tập tính học được.  5. Nhện giăng tơ là tập tính bẩm sinh.  Số nhận định đúng là  **A.** 4.  **B.** 3.  **C.** 2.  **D.** 1. | Nhận định đúng là 1, 2, 3, 5.  Nhận định 4 sai vì tập tính có 2 dạng là tập tính bẩm sinh và tập tính học được. |
| **Câu 10.** Các loài động vật thường dùng mùi hoặc nước tiểu, phân của mình để đánh dấu lãnh thổ. Đây là  **A.** tập tính bảo vệ lãnh thổ.  **B.** tập tính sinh sản.  **C.** tập tính kiếm ăn.  **D.** tập tính trốn tránh kẻ thù. | Các loài động vật thường dùng mùi hoặc nước tiểu, phân của mình để đánh dấu lãnh thổ. Đây là tập tính bảo vệ lãnh thổ nhằm bảo vệ nguồn sống của bản thân động vật trước các đồng loại. |
| **Câu 11.** Vì sao người ta có thể dùng biện pháp bẫy đèn ban đêm diệt côn trùng có hại?  **A.** Vì côn trùng bị thu hút bởi ánh đèn vào ban đêm nên có thể dùng bẫy đèn có thể thu hút và bắt côn trùng.  **B.**Vì côn trùng sợ ánh đèn vào ban đêm nên khi nhìn thấy ánh đèn chúng sẽ tự động tránh xa.  **C.**Vì ánh đèn có thể trực tiếp tiêu diệt côn trùng nên có thể dùng bẫy đèn để tiêu diệt trực tiếp côn trùng.  **D.**Vì ánh đèn có thể thu hút nhiều loài sinh vật ăn côn trùng nên có thể dùng bẫy đèn để tiêu diệt gián tiếp côn trùng. | Vì côn trùng bị thu hút bởi ánh đèn vào ban đêm nên có thể dùng bẫy đèn có thể thu hút và bắt côn trùng. |
| **Câu 12.** Vì sao người ta sử dụng ong mắt đỏ để diệt sâu hại cây trồng?  **A.** Vì ong mắt đỏ có tập tính đẻ trứng bên trong trứng của các loài sâu hại.  **B.** Vì thức ăn của ong mắt đỏ là các loài sâu hại.  **C.** Vì ong mắt đỏ có tập tính kí sinh trong cơ thể sâu hại.  **D.** Vì ong mắt đỏ có tập tính trích nọc độc tiêu diệt côn trùng. | Người ta sử dụng ong mắt đỏ để diệt sâu hại cây trồng là vì ong mắt đỏ có tập tính đẻ trứng bên trong trứng của các loài sâu hại. Khi trứng ong mắt đỏ nở, con non sẽ tiêu thụ dinh dưỡng từ bên trong trứng sâu, khiến trứng chết đi, không có khả năng nở ra sâu hại. |
| **Câu 13.** Người ta thường làm bù nhìn bằng rơm hoặc bằng nilong ở ruộng nương nhằm mục đích  **A.** xua đuổi chim phá hoại mùa màng.  **B.** hạn chế sâu bệnh hại.  **C.** tô điểm cho ruộng nương.  **D.** hạn chế sự phá hoại của con người. | Người ta thường làm bù nhìn bằng rơm hoặc bằng nilong ở ruộng nương nhằm mục đích để đuổi chim phá hoại mùa màng. Đây là một ứng dụng của tập tính (chim chóc thường sợ và tránh xa con người) vào trong sản xuất. |
| **Câu 14:** Những phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về sự hình thành tập tính ?  (1) Kích thích càng mạnh càng dễ làm xuất hiện tập tính  (2) Kích thích càng lặp lại càng dễ làm xuất hiện tập tính  (3) Mọi kích thích đều làm xuất hiện tập tính  (4) Không phải bất kì kích thích nào cũng làm xuất hiện tập tính  **A.** (1), (2)  **B.** (2), (3)  **C.** (3), (4)  **D.** (2), (4) | Trong quá trình hình thành tập tính :  - Kích thích càng mạnh càng dễ làm xuất hiện tập tính  - Kích thích càng lặp lại càng dễ làm xuất hiện tập tính |
| **Vận dụng**  **(6 câu)** | **Câu 15.** Ý nghĩa của tập tính chăng tơ ở nhện?  **A**. Để săn bắt mồi  **B**. Để làm nơi nghỉ ngơi  **C**. Để chăm sóc con non  **D**. Bảo vệ lãnh thổ | Nhện có tập tính chăng tơ để săn bắt mồi, thức ăn chủ yếu là các loại côn trùng |
| **Câu 16.** Chim ưng được con người huấn luyện để phục vụ công việc gì?  **A.** Săn bắt  **B.** Làm cảnh  **C.** Bảo tồn  **D.** An ninh | Chim ưng được con người huấn luyện phụ vụ đi săn |
| **Câu 17.** Loài động vật được con người huấn luyện để phục vụ điều tra phá án.  **A.** Chó  **B.** Bò  **C.** Gà  **D.** Vịt | Người ta thường huấn luyện chó để phục vụ săn bắt tội phạm do chó có khứu giác nhạy bén |
| **Câu 18.** Trong lĩnh vực giải trí con người thường nuôi loài động vật nào sau đây?  **A.** Chim khướu  **B.** Chim sâu  **C.** Chim sẻ  **D.** Chim bồ câu | Chim khướu có tập tính hót hay nên được nhiều người lựa chọn để nuôi giải trí.  Chim sâu và chim sẻ là những loài chim hoang giã, chim bồ câu thường mang biểu tượng về hoà bình. |
| **Câu 19.** Trong trồng trọt để làm giảm thiểu ảnh hưởng của một số loài chim ăn hạt người ta thường làm gì?  **A.** Dựng bù nhìn ngoài ruộng  **B.** Phát loa âm lượng lớn  **C.** Dùng bẫy chim  **D.** Sử dụng thuốc hoá học để tiêu diệt chim ăn hạt | Chim thường có tập tính tránh xa con người nên người ta làm các bù nhìn ngoài cánh đồng để xua đuổi chim mà không sử dụng các biện pháp khác vì ngoài thức ăn là hạt chim còn ăn sâu. |
| **Câu 20.** Cần hình thành cho trẻ thói quen nào trước khi ăn?  **A.** Rửa tay trước khi ăn  **B.** Đánh răng trước khi ăn  **C.** Ngồi đúng vị trí ăn hàng ngày  **D.** Vệ sinh trước khi ăn | Thói quen rửa tay trước khi ăn cần hình thành cho trẻ để tránh các nguy cơ mắc các bệnh về đường tiêu hoá: tiêu chảy, giun sán, … |

| **CẤP ĐỘ** | **CÂU HỎI + ĐÁP ÁN** | **GIẢI THÍCH CÁC PHƯƠNG ÁN** |
| --- | --- | --- |
| **BÀI 37: SINH SẢN Ở SINH VẬT** | | |
| **Nhận biết** | **Câu 1.** Dựa vào sự tham gia của yếu tố đực và yếu tố cái, sinh sản được phân thành:  A. 2 loại  B. 3 loại  C. 4 loại  D. 5 loại | **Chọn phương án A (**có 2 loại là sinh sản vô tính và sinh sản hữu tính**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS nhầm vì có sinh sản: phân đôi, chiếc cành, mọc chồi, tái sinh …**)** |
| **Câu 2.** Trong các hình thức dưới đây, đâu **không** phải ví dụ về sinh sản vô tính?  A. Sinh sản bằng hạt ở cây lúa  B. Sinh sản bằng bào tử ở cây rêu  C. Sinh sản bằng thân rễ ở cây rau má  D. Sinh sản bằng củ ở cây gừng | **Chọn phương án A (**ở cây lúa sinh sản có sự kết hợp giữa yếu tố đực và cái**)**  **Phương án B, C và D**: **(**Rêu, rau má, gừng không sinh sản không có sự tham gia giữa yếu tố đực và cái**)** |
| **Câu 3.**Thủy tức sinh sản bằng hình thức nào sau đây?  A. Nảy chồi  B. Phân đôi  C. Ghép đôi  D. Phân mảnh | **Chọn phương án A (**Thủy tức sinh sản bằng hình thức nảy chồi. Từ cơ thể mẹ nảy ra một chồi nhỏ, chồi này phát triển thành một cơ thể thủy tức hoàn chỉnh rồi tách ra khỏi cơ thể thủy tức mẹ.**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọn nhầm các phương án còn lại**)** |
| **Câu 4.**Đặc điểm cơ bản của cơ thể sống nhằm tạo ra cá thể mới để đảm bảo sự phát triển liên tục của loài là  A. sinh sản  B. giao phối  C. thụ phấn  D. thụ tinh | **Chọn phương án A (**Đặc điểm cơ bản của cơ thể sống nhằm tạo ra cá thể mới để đảm bảo sự phát triển liên tục của loài là sinh sản**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọn nhầm các phương án còn lại**)** |
| **Câu 5.**Những động vật nào dưới đây đều có hình thức sinh sản vô tính?  A. Trùng biến hình, sứa, san hô  B. Giun đũa, sứa, san hô  C. Giun đất, sứa, san hô  D. Ốc sên, sứa, san hô | **Chọn phương án A (**Trùng biến hình, sứa, san hô sinh sản không có sự tham gia giao tử**)**  **Phương án B, C và D**: **(**Giun đũa, giun đất, ốc sên sinh sản có sự tham gia giao tử**)** |
| **Câu 6.**Thủy tức có mấy hình thức sinh sản vô tính?  A. 2 hình thức  B. 3 hình thức  C. 1 hình thức  D. 4 hình thức | **Chọn phương án A (**Thủy tức có 2 hình thức sinh sản vô tính là mọc chồi và tái sinh**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọn nhầm các phương án còn lại**)** |
| **Câu 7.**Người ta thường sử dụng phương pháp giâm cành đối với những loài thực vật nào dưới đây?  A. Mía, sắn, hoa hồng  B. Cam, chanh, bưởi  C. Xoài, nhãn, mận  D. Hoa lan, hoa cúc, hoa hướng dương | **Chọn phương án A (**muốn nhân giống mía, sắn, hoa hồng người ta thường dùng phương pháp giâm cành**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọn nhầm các phương án còn lại**)** |
| **Câu 8.**Loài động vật nào sao đây đẻ trứng nhưng lại nuôi con bằng sữa mẹ?  A. Thú mỏ vịt  B. Thú túi  C. Chuột chuỗi  D. Dơi | **Chọn phương án A (**Thú mỏ vịt đẻ trứng nhưng nuôi con bằng sữa mẹ**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọn nhầm các phương án còn lại**)** |
| **Câu 9.**Loài thực vật nào sau đây sinh sản bằng cơ quan sinh dưỡng là thân?  A. Cây nghệ  B. Cây ngô  C. Cây thuốc bỏng  D. Cây đậu xanh | **Chọn phương án A (**Cây nghệ có hình thức sinh sản bằng cơ quan sinh dưỡng**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọn nhầm các phương án còn lại**)** |
| **Câu 10.**Hoa đơn tính gồm những loài nào sau đây?  A. Hoa dưa chuột, hoa mướp  B. Hoa dưa chuột, hoa bưởi  C. Hoa dưa chuột, hoa đậu đũa  D. Hoa dưa chuột, hoa đậu rồng | **Chọn phương án A (**cây dưa chuột và cây mướp có hoa đơn tinh**)**  **Phương án B, C và D**: **(**cây bưởi, cây đậu đũa, cây đậu rồng có hoa lưỡng tính nên học sinh chọn nhầm**)** |
| **Câu 11.**Những loài động vật mà phôi phát triển thành con non trong cơ thể mẹ là  A. Thỏ và dơi  B. Đại bàng và dơi  C. Diều hâu và dơi  D. Đà điểu và dơi | **Chọn phương án A (**Thỏ và dơi là 2 loài động vật đẻ con**)**  **Phương án B, C và D**: **(**đại bàng, diều hâu, đà điểu đẻ trứng nên phôi không phát triển trong cơ thể mẹ**)** |
| **Câu 12.**Nhóm động vật nào dưới đây sinh sản bằng hình thức đẻ trứng, thụ tinh ngoài?  A. Cá chép, ếch nhái  B. Cá chép, cá sấu  C. Cá chép, ba ba  D. Cá chép, rùa | **Chọn phương án A (**Cá chép và ếch nhái để trứng, thụ tinh ngoài**)**  **Phương án B, C và D**: **(**cá sấu, ba ba, rủa thì đẻ trứng thụ tinh trong**)** |
| **Câu 13.**Ở nhóm thực vật hạt kín, hoa là cơ quan sinh sản, trong đó bộ phận sinh sản bao gồm là  A. nhị và nhụy  B. nhị và bầu nhụy  C. nhị và vòi nhụy  D. nhị và đầu nhụy | **Chọn phương án A (**nhị là giao tử đực và nhụy là giao tử cái, ở thực vật hạt kín sinh sản có sự kết hợp giữa giao tử đực và cái**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọn nhầm các phương án còn lại**)** |
| **Câu 14.**Sinh sản vô tính là hình thức sinh sản  A. không có sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái  B. có sự hợp nhất giữa giao tử đực và giao tử cái  C. cần 2 cá thể  D. chỉ cần giao tử cái | **Chọn phương án A (**Sinh sản vô tính là không có sự kết hợp giữa giao tử đực và cái**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọn nhầm các phương án còn lại**)** |
| **Thông hiểu** | **Câu 1.**Cừu Dolly là sản phẩm của phương pháp nhân giống nào?  A. Nhân giống vô tính  B. Nhân giống hữu tính  C. Nhân giống sinh dưỡng  D. Nhân giống thuần chủng | **Chọn phương án A (**Cừu Dolly được sinh ra từ tế bào tuyến vú và tế bào trứng, không có sự kết hợp giữa yếu tố đực và yếu tố cái**)**  **Phương án B, C và D**: **(**Cừu Dolly là động vật nên HS hiểu nhầm có thể là các phương án còn lại**)** |
| **Câu 2.**Quá trình sinh sản hữu tính ở động vật có mấy giai đoạn?  A. 3 giai đoạn  B. 4 giai đoạn  C. 2 giai đoạn  D. 5 giai đoạn | **Chọn phương án A (**HS hiểu được quá trình sinh sản ở động vật gồm 3 giai đoạn: hình thành giao tử, thụ tinh, phát triển phôi thai**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS hiểu nhầm có nhiều giai đoạn hơn 3 hoặc ít hơn**)** |
| **Câu 3.**Đặc điểm không thuộc sinh sản vô tính là  A. tạo ra cá thể mới rất đa dạng về các đặc điểm thích nghi.  B. cơ thể con sinh ra hoàn toàn giống nhau và giống cơ thể mẹ ban đầu.  C. tạo ra số lượng lớn con cháu trong một thời gian ngắn.  D. tạo ra các cá thể thích nghi tốt với môi trường sống ổn định. | **Chọn phương án A (**HS hiểu được khi tạo ra cá thể mới đa dạng về các đặc điểm thích nghi không thuộc sinh sản vô tính.**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọn nhầm các phương án còn lại**)** |
| **Câu 4.**Tại sao chưa thể tạo ra được cá thể mới từ một tế bào hoặc mô của động vật có tổ chức bậc cao?  A. Vì liên quan đến vấn đề đạo đức.  B. Vì cơ thể có cấu tạo phức tạp.  C. Vì hệ thần kinh phát triển mạnh.  D. Vì không thể tạo ra được | **Chọn phương án A (**chưa tạo ra cá thể mới từ 1 tế bào và mô ở động vật bậc cao là do liên quan đến vấn đề đạo đức**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọn nhầm các phương án còn lại**)** |
| **Câu 5.**Để nhân giống cây ăn quả lâu năm người ta thường chiếc cành vì:  A. Phương pháp này giúp rút ngắn thời gian sinh trưởng của cây, sớm thu hoạch và biết trước đặc tính của quả.  B. Cây con dễ trồng và ít công chăm sóc.  C. Phương pháp này giúp nhâm giống nhanh và nhiều.  D. Phương pháp này giúp tránh được sâu bệnh gây hại. | **Chọn phương án A (**HS hiểu được đặc điểm của cây về phương pháp chiếc cành**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọn nhầm các phương án còn lại**)** |
| **Câu 6.**Điều nào không đúng khi nói về hình thức thụ tinh ở động vật?  A. Thụ tinh ngoài là sự kết hợp của 2 loại giao tử đực và cái diễn ra ở trong cơ thể con cái.  B. Thụ tinh trong làm tăng tỉ lệ sống sót của con non.  C. Thụ tinh ngoài làm hiệu quả thụ tinh thấp.  D. Thụ tinh ngoài là sự kết hợp của 2 loại giao tử đực và cái diễn ra ở ngoài cơ thể con cái. | **Chọn phương án A (**thụ tinh ngoài diễn ra bên ngoài cơ thể con cái**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọn nhầm các phương án còn lại**)** |
| **Câu 7.**Khi nói về đặc điểm sinh sản vô tính ở động vật, phát biểu nào sau đây không đúng?  A. Cá thể mới luôn được hình thành từ trứng không được thụ tinh của cá thể gốc.  B. Chỉ cần một cá thể gốc.  C. Dựa trên quá trình nguyên phân.  D. Không có sự thụ tinh giữa giao tử đực và giao tử cái. | **Chọn phương án A (**Cá thể mới luôn được hình thành từ trứng không được của cá thể gốc là không đúng**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọn nhầm các phương án còn lại**)** |
| **Câu 8.**Hạt phấn của cây ngô này thụ phấn với nhụy của cây ngô khác thì gọi là gì?  A. Thụ phấn chéo  B. Tự thụ phấn  C. Thụ phấn bắt buộc  D. Thụ phấn tự do | **Chọn phương án A (**HS hiểu được thụ phấn chéo là hạt phấn của cây này thụ phấn với nhụy của cây kia cùng loài**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọn nhầm các phương án còn lại**)** |
| **Câu 9.**Giun đất là động vật lưỡng tính nhưng vẫn thụ tinh chéo vì:  A. Cơ quan sinh dục đực và cái bị ngăn cách nhau.  B. Chỉ có 1 trong 2 cơ quan sinh sản phát triển đầy đủ.  C. Trứng và tinh trùng không chín cùng một lúc.  D. Chúng có tập tính sống thành đôi | **Chọn phương án A (**Giun đất lưỡng tính nhưng vẫn thụ tinh chéo là vì 2 cơ quan sinh dục bị ngăn cách nhau**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọn nhầm các phương án còn lại**)** |
| **Câu 10.**Một số loài cá (cá kiến, cá mập..) có hiện tượng đẻ trứng thai. Trong trường hợp này cơ thể mẹ có vai trò chính là:  A. cung cấp nhiệt độ cho phôi phát triển.  B. bảo vệ phôi khỏi các yếu tố bất lợi của môi trường.  C. cung cấp chất dinh dưỡng cho phôi phát triển.  D. chọn lọc các cá thể khỏe mạnh. | **Chọn phương án A (**Cá đẻ con thì trứng được thụn tinh trong ống dẫn trứng, sinh trưởng nhờ chất dinh dưỡng trong noãn hoàng, khi trứng nở cá mẹ đẻ ra ngoài. Vì vậy cá mẹ cung cấp nhiệt độ cho phôi phát triển**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọn nhầm các phương án còn lại**)** |
| **Vận dụng** | **Câu 1.**Bạn Ngọc tiến hành cắt một đoạn thân cây hoa hồng cắm vào trong cát ẩm. Sau 20 ngày bạn Ngọc nhận thấy phần cắm xuống cát đã mọc ra rễ non. Em hãy cho biết bạn ấy đã sử dụng phương pháp nhân giống nào?  A. Giâm cành  B. Chiếc cành  C. Ghép cành  D. Nuôi cấy mô | **Chọn phương án A (**Ngọc dùng đoạn thân cây hoa hồng cắm xuống cát ẩm là sử dụng phương pháp giâm cành **)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọn nhầm các phương án còn lại**)** |
| **Câu 2.** Khi quan sát cây lá bỏng, nhận thấy trên lá cây mọc ra mầm cây con, sau đó cây con phát triển và rơi xuống đất rồi thành cây bỏng trưởng thành. Hình thức sinh sản của cây lá bỏng là  A. sinh sản sinh dưỡng  B. sinh sản nảy chồi  C. sinh sản phân đôi  D. sinh sản bằng bào tử | **Chọn phương án A (**Cây lá bỏng con được sinh ra từ một phần cây lá bỏng mẹ mà lá là cơ quan sinh dưỡng của cây lá bỏng**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọn nhầm các phương án còn lại**)** |
| **Câu 3.** Cho hình ảnh sau:  IMG_256  Hình ảnh trên mô tả quá trình nhân giống cây bằng phương pháp nào sau đây?  A. Nuôi cấy mô  B. Nhân bản vô tính  C. Giâm cành  D. Chiếc cành | **Chọn phương án A (**Trong hình trên, từ một cây ban đầu, tách mô lá để nuôi cấy trong môi trường nhân tạo, vô trùng, có đủ chất dinh dưỡng và các chất cần thiết để tạo ra hàng loạt cây con mới → Hình ảnh trên mô tả phương pháp nuôi cấy mô thực vật.**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọn nhầm các phương án còn lại**)** |
| **Câu 4.** Bạn Nghi thực hiện các bước như: bóc vỏ 1 đoạn cành cây, làm bầu và bọc lại đoạn cành cây, chăm sóc đoạn cành cây. Sau khi ra rễ, cắt chuyển sang đất trồng. Vây bạn Nghi sử dụng phương pháp gì?  A. Chiếc cành  B. Ghép cành  C. Giâm cành  D. Nuôi cấy mô | **Chọn phương án A (**Chiếc cành là sử dụng các bước như bạn Nghi thực hiện**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọn nhầm các phương án còn lại**)** |
| **Câu 5.**Bình trồng 4 loại cây như sau: Cây ngô, cây cà chua, cây tre, cây bí ngô. Theo em thì loài cây nào sinh sản bằng thân rễ?  A. Cây tre  B. Cây ngô  C. Cây cà chua  D. Cây bí ngô | **Chọn phương án A (**Cây tre sinh sản bằng thân rễ**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọn nhầm các phương án còn lại**)** |
| **Câu 6.**Tìm hiểu thực tế, trong sinh sản hữu tính thì những loài nào sau đây đều đẻ trứng?  A. Thú mỏ vịt, chim cánh cụt, đà điểu  B. Thú mỏ vịt, lợn rừng, ngựa vằn  C. Hươu cao cổ, chó, cá mập xanh  D. Chuột đồng, mèo rừng, thú mỏ vịt. | **Chọn phương án A (**tìm hiểu thực tế thú mỏ vịt, chim cánh cụt, đà điểu là đẻ trứng**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọn nhầm các phương án còn lại**)** |
| **Câu 7.**Khi ta quan sát trên vách tường thấy con thạch sùng bị đứt đuôi, sau một thời gian duôi nó mọc lại. Đó là hình thức gì?  A. Sự tái sinh một bộ phận cơ thể  B. Kiểu sinh sản vô tính tái sinh  C. Hình thức sinh sản phân mảnh  D. Một kiểu của sự sinh trưởng | **Chọn phương án A (**Thạch sùng bị đứt đuôi sau đó mọc lại là sự tái sinh một bộ phận cơ thể**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọn nhầm các phương án còn lại**)** |
| **Câu 8.**Cá cái đẻ trứng trong nước và cá đực xuất tinh trùng vào nước, các trứng và tinh trùng gặp nhau một cách ngẫu nhiên. Trường hợp này được gọi là gì?  A. Thụ tinh ngoài  B. Thụ tinh trong  C. Tự phối  D. Trinh sản | **Chọn phương án A (**Trúng và tinh trùng gặp nhau ngẫu nhiên trong nước là trường hợp thụ tinh ngoài**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọn nhầm các phương án còn lại**)** |
| **BÀI 38: CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SINH SẢN**  **VÀ ĐIỀU HÒA, ĐIỀU KHIỂN SINH SẢN Ở SINH VẬT** | | |
| **Nhận biết** | **Câu 1.**Yếu tố nào bên trong tác động đến sinh sản ở động vật?  A. Hoocmon  B. Thận  C. Tim  D. Phổi | **Chọn phương án A (**Hoocmon là yếu tố điều hòa, điều khiển sinh sản ở động vật**)**  **Phương án B, C và D**: **(**Thận, tim, phổi là cơ quan bên trong cơ thể cũng tác động đến sinh sản nên HS chọn nhầm phương án**)** |
| **Câu 2.**Những động vật nào dưới đây nhiệt độ cơ thể không thay đổi theo nhiệt độ môi trường?  A. Cá voi xanh, cá heo  B. Cá voi xanh, cá mập  C. Cá voi xanh, cá sấu  D. Cá coi xanh, cá ngừ | **Chọn phương án A (**Cá voi xanh, cá heo là động vật đẳng nhiệt nên nhiệt độ cơ thể không thay đổi theo nhiệt độ môi trường**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS nhầm lẫn các đáp án còn lại**)** |
| **Câu 3.**Yếu tố nào dưới đây điều khiển sinh sản ở sinh vật?  A. Di truyền  B. Ánh sáng  C. Nhiệt độ  D. Chế độ dinh dưỡng | **Chọn phương án A (**đặc điểm di truyền ảnh hưởng đến quá trình sinh sản ở sinh vật**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọn nhầm các phương án còn lại**)** |
| **Câu 4.**Con người thường thụ phấn cho hoa của loài nào dưới đây?  A. Cây bí ngô  B. Cây hoa hồng  C. Cây hoa lan  D. Cây hoa huệ | **Chọn phương án A (**ở bí ngô, người ta thường thụ phấn cho hoa để đạt hiệu quả cao hơn**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS hiểu nhầm các phương án còn lại**)** |
| **Câu 5.**Biện pháp hiệu quả nhất để tăng hiệu suất Thụ tinh là  A. thụ tinh nhân tạo  B. thay đổi các yếu tố môi trường  C. nuôi cấy phôi  D. sử dụng hoocmon hoặc chất kích tổng hợp | **Chọn phương án A (**Thụ tinh nhân tạo là biện pháp hiệu quả nhất trong thụ tinh**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọn nhầm các phương án còn lại**)** |
| **Câu 6.**Mục đích của việc điều khiển giới tính ở đàn con trong chăn nuôi là  A. phù hợp với nhu cầu sản xuất  B. làm cân bằng tỷ lệ đực cái  C. làm giảm số lượng con đực  D. làm giảm số lượng con cái | **Chọn phương án A (**Trong chăn nuôi, điều khiển giới tính để phù hợp với nhu cầu sản xuất**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọn nhầm các phương án còn lại**)** |
| **Câu 7.**Muốn tăng sản lượng thịt ở gia cầm, người ta áp dụng biện pháp nào sau đây?  A. Tăng nhiều con đực trong đàn  B. Tăng nhiều con cái trong đàn  C. Bố trí số con đực và con cái như nhau trong đàn  D. Chọn các con non có kích thước lớn để nuôi | **Chọn phương án A (**Nuôi gia cầm lấy thịt người ta dùng biện pháp tăng nhiều con đực**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọn nhầm các phương án còn lại**)** |
| **Câu 8.** Để điều khiển làm tăng tốc độ sinh sản ở động vật, biện pháp nào sau đây không được áp dụng  A. Gây đột biến  B. Tiêm hoocmon  C. Nuôi cấy phôi  D. Thụ tinh nhân tạo | **Chọn phương án A (**Làm tăng tốc độ sinh sản người ta không dùng biện pháp gây đột biến**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọn nhầm các phương án còn lại**)** |
| **Thông hiểu** | **Câu 1.**Trường hợp nào dưới đây cho thấy sự ảnh hưởng của yếu tố bên ngoài đến sinh sản ở sinh vật?  A. Nhiệt độ trên 300C trứng rùa ấp thường nở ra con cái  B. Nhện cái tấn công nhện đực sau khi giao phối  C. Ếch thường đẻ trứng dưới nước  D. Đom đóm phát sáng để thu hút bạn tình | **Chọn phương án A (**Trứng rùa nở thành con cái chịu ảnh hưởng của nhiệt độ**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS hiểu nhầm các phương án còn lại**)** |
| **Câu 2.**Hoa cúc họa mi chỉ nở vào mùa đông, sự ra hoa của cúc họa mi chịu ảnh hưởng rõ rệt của yếu tố nào?  A. Nhiệt độ  B. Nước  C. Ánh sáng  D. Chất dinh dưỡng | **Chọn phương án A (**Hoa cúc họa mi nở theo mùa , chứng tỏ hoa cúc hoạn mi chịu ảnh hưởng của nhiệt độ**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọn nhầm các phương án còn lại**)** |
| **Câu 3.**Điều khiển giới tính của đàn con có ý nghĩa như thế nào trong chăn nuôi?  A. Tiết kiệm chi phí, tăng năng suất trong chăn nuôi  B. Hạn chế số con sinh ra bị chết non  C. Tăng năng suất của đàn con  D. Giảm chi phí trong quá trình nuôi dưỡng đàn con. | **Chọn phương án A (**điều khiển giới tính đàn con để tiết kiệm chi phí, tăng năng suất**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọn nhầm phương án**)** |
| **Câu 4.**Ở người, điều không đúng với sinh đẻ có kế hoạch là điều chỉnh  A. sinh con trai hay con gái  B. khoảng cách sinh con  C. thời điểm sinh con  D. số con | **Chọn phương án A (**điều không đúng trong sinh đẻ có kế hoạch là điều chỉnh sinh con trai hay con gái**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọn nhầm các phương án còn lại**)** |
| **Vận dụng** | **Câu 1.**Theo em, người nông dân thường nuôi ong trong các vườn cây ăn quả để làm gì?  A. Tăng số lượng hoa được thụ phấn  B. Bảo vệ quả khỏi bị kẻ gian trộm  C. Hạn chế quả non bị rụng  D. Giúp quả lớn nhanh hơn | **Chọn phương án A (**Giúp đạt hiệu quả cao về thụ tinh, tạo quả …**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS nhầm là ong bảo vệ quả tốt**)** |
| **Câu 2.**Cha bạn Lan có trồng vườn thanh long nhưng chỉ ra hoa, tạo quả vào mùa hè. Vậy muốn cây ra hoa vào mùa đông thì cha bạn ấy phải làm gì?  A. Thắp đền chiếu sáng cho cây vào ban đêm.  B. Bón phân hữu cơ cho cây thường xuyên.  C. Làm cỏ, đấp đất cho cây.  D. Phun thuốc cho cây 1 lần/tuần. | **Chọn phương án A (**Mùa đông, **t**hắp đèn chiếu sáng vào ban đêm thanh long sẽ ra hoa, tạo quả**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọn nhầm các phương án còn lại**)** |
| **Câu 3.**Trong sản suất giống cá, người ta thường mổ bụng cá cái lấy trứng và vuốt bụng cá đực lấy giao tử đực để thụ tinh nhân tạo thường áp dụng cho loài động vật nào sau đây?  A. Cá hồi  B. Cá chép  C. Cá tai tượng  D. Cá trê phi | **Chọn phương án A (**Con người thường sản xuất giống cá hồi bằng thụ tinh nhân tạo để tạo ra nguồn giống trong nuôi thương phẩm**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọn nhầm phương án**)** |
| **Câu 4.**Trong chăn nuôi, người ta muốn tăng số lượng con cái nhằm thu hoạch nhiều loại thực phẩm nào sau đây?  A. Trứng, sữa  B. Thịt, trứng  C. Thịt, sữa  D. Thịt, mỡ | **Chọn phương án A (**Trong chăn nuôi, người ta tăng số lượng con cái**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọn nhầm các phương án còn lại**)** |
| **BÀI 39: CHỨNG MINH CƠ THỂ SINH VẬT LÀ MỘT THỂ THỐNG NHẤT** | | |
| **Nhận biết** | **Câu 1.**Sinh vật nào sau đây cơ thể chỉ là một tế bào đảm nhận mọi chức năng?  A. Trùng roi  B. Thủy tức  C. Hải quỳ  D. Sứa | **Chọn phương án A (**Trùng roi là cơ thể đơn bào**)**  **Phương án B, C và D**: **(**Thủy tức, sứa, hải quỳ là sinh vật đa bào**)** |
| **Câu 2.**Tế bào có các hoạt động nào sau đây?  A. Lớn lên, phân chia, cảm ứng và trao đổi chất  B. Lớn lên, trao đổi chất và thay đổi hình dạng, cấu tạo  C. Lớn lên, cảm ứng và thay đổi hình dạng  D. Lớn lên, phân chia và thay đổi hình dạng, cấu tạo. | **Chọn phương án A (**Tế bào có ccs hoạt động như lớn lên, phân chia, cảm ứng và trao đổi chất**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọn nhầm các phương án còn lại**)** |
| **Câu 3.**Khi quá trình trao đổi chất ở người bị rối loạn, các hoạt động sống khác sẽ không được cung cấp đầy đủ chất dinh dưỡng cần thiết để cơ thể hoạt động bình thường là  A. ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe con người  B. mất ngủ trong thời gian dài  C. tăng khả năng vận động, lao động  D. mất cảm giác khi thay đổi thời tiết | **Chọn phương án A (**trao đổi chất bị rối loạn là ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe con người**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọn nhầm các phương án còn lại**)** |
| **Câu 4.**Trong mỗi cơ thể sống, các tế bào tuy có chức năng, hình thái khác nhau nhưng đều có cấu tạo chung rất giống nhau là  A. màng sinh chất, tế bào chất và các bào quan, nhân chứa vật chất di truyền là nhiễm sắc thể.  B. màng sinh chất, các bào quan và vật chất di truyền  C. màng sinh chất, nhân chứa vật chất di truyền là nhiễm sắc thể  D. màng sinh chất, tế bào chất và các bào quan | **Chọn phương án A (**Tế bào có cấu tạo gồm màng sinh chất, tế bào chất và các bào quan, nhân chứa vật chất di truyền là nhiễm sắc thể**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọn nhầm các phương án còn lại**)** |
| **Thông hiểu** | **Câu 1.**Bệnh suy dinh dưỡng ở trẻ em là do hoạt động sống nào chi phối?  A. Do quá trình chuyển hóa và trao đổi năng lượng chi phối.  B. Do vitamin chi phối.  C. Do ăn uống chi phối.  D. Do muối khoáng chi phối. | **Chọn phương án A (**Bệnh suy dinh dưỡng ở trẻ em là do quá trình chuyển hóa và trao đổi năng lượng chi phối.**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS hiểu nhầm các đáp án còn lại**)** |
| **Câu 2.**Điều gì sẽ xảy ra nếu quá trình trao đổi chất bị trục trặc?  A. Ảnh hưởng đến các hoạt động sống của cơ thể.  B. Hệ vận động ngừng hoạt động  C. Sinh vật phát triển mạnh, tăng kích thước nhanh chóng  D. Cơ thể thu nhận nhiều năng lượng và hấp thụ nhiều chất dinh dưỡng. | **Chọn phương án A (**trao đổi chất bị trục trặc sẽ ảnh hưởng đến các hoạt động sống của cơ thể**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọn nhầm các phương án còn lại**)** |
| **Câu 3.**Mọi hoạt động sống trong cơ thể sinh vật diễn ra ở đâu để giúp cơ thể sinh trưởng, phát triển và thích nghi với môi trường?  A. Tế bào  B. Mô  C. Cơ quan  D. Hệ cơ quan | **Chọn phương án A (**Mọi hoạt động sống của cơ thể sinh vật đều diễn ra ở tế bào**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọn nhầm các phương án còn lại**)** |
| **Câu 4.**Nhờ quá trình điều hòa của các cơ quan nào mà cơ thể động vật là một thể thống nhất?  A. Các cơ quan thần kinh và thể dịch  B. Các cơ quan tuần hoàn và hô hấp  C. Các cơ quan tiêu hóa và bài tiết  D. Nhờ tất cả các cơ quan trong cơ thể | **Chọn phương án A (**Các cơ quan thần kinh và thể dịch điều hòa cơ thể là một thể thống nhất**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọn nhầm các phương án còn lại**)** |
| **Vận dụng** | **Câu 1.**Khi ăn cơm, những hệ cơ quan nào trong cơ thể của em hoạt động chủ yếu?  A. Hệ tiêu hóa, hệ thần kinh, hệ bài tiết, hệ tuần hoàn.  B. Hệ vận động, hệ thần kinh, hệ hô hấp  C. Hệ tiêu hóa, hệ hô hấp, hệ vận động  D. Hệ thần kinh, hệ bài tiết, hệ hô hấp | **Chọn phương án A (**Khi ăn cơm thì hệ tiêu hóa, hệ thần kinh, hệ bài tiết, hệ tuần hoàn hoạt động là chủ yếu**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọn nhầm các phương án còn lại**)** |
| **Câu 2.**Hoạt động nào sau đây có sự phối hợp hoạt động **chủ yếu** của hệ thần kinh, hệ vận động, hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ bài tiết?  A. Chạy bộ  B. Láy xe ô tô  C. Ăn uống  D. Nằm ngủ | **Chọn phương án A (**Chạy bộ cần có sụ hoạt động phối hợp của hệ vận động, hệ thần kinh, hệ tuần hoàn, hệ hô hấp và hệ bài tiết là chủ yếu**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọ nhầm các phương án còn lại**)** |
| **Câu 3.**Ở thú, khi mất khả năng dung nạp chất dinh dưỡng, cơ thể chúng trở nên kiệt sức, đồng thời khả năng vận động cũng bị ảnh hưởng nặng nề... Những vấn đề nói trên phản ánh điều gì?  A. Các hệ cơ quan trong cơ thể có mối liên hệ mật thiết với nhau.  B. Dinh dưỡng là thành phần thiết yếu của cơ và xương.  C. Hệ thần kinh và hệ vận động đã bị hủy hoại hoàn toàn do thiếu dinh dưỡng.  D. Khả năng hấp thụ chất dinh dưỡng kém | **Chọn phương án A (**khi mất khả năng dung nạp chất dinh dưỡng, cơ thể chúng trở nên kiệt quệ, đồng thời khả năng vận động cũng bị ảnh hưởng nặng nề do các hệ cơ quan có mối liên hệ với nhau**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọn nhầm các phương án còn lại**)** |
| **Câu 4.**Khi chúng ta bơi cật lực thì các hệ cơ quan nào sẽ tăng cường hoạt động?  A. Hệ vận động, hệ hô hấp, hệ tuần hoàn  B. Hệ vận động, hệ bài tiết, hệ nội tiết  C. Hệ hô hấp, hệ nội tiết, hệ tuần hoàn  D. Hệ vận động, hệ nôi tiết, hệ hô hấp | **Chọn phương án A (**Khi chúng ta bơi cật lực thì hệ vận động, hệ hô hấp, hệ tuần hoàn sẽ tăng cường hoạt động**)**  **Phương án B, C và D**: **(**HS chọn nhầm các phương án còn lại**)** |

**HẾT**